

Số: 261/BC-UBND

Duỳn Hải, ngày 09 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 của huyện Duỳn Hải, tỉnh Trà Vinh

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện

- Về điều kiện tự nhiên: Huyện có 31.373ha đất tự nhiên với 07 đơn vị hành chính, gồm 06 xã và 01 thị trấn (4 đơn vị là xã đảo). Huyện có bờ biển dài khoảng 28km (từ xã Đông Hải đến xã Long Vĩnh) và tiếp giáp với hệ thống sông, kênh, rạch khá chằng chịt, bị chia cắt bởi Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu, sông Nguyễn Văn Phô, cửa biển Định An. Khu vực phía Bắc của huyện thích hợp cho canh tác lúa, hoa màu và cây lâu năm. Các khu vực còn lại thuận lợi cho phát triển nuôi trồng và khai thác thủy sản nước mặn và nước lợ.

- Về cơ cấu kinh tế chung của huyện là Ngư, nông nghiệp, lâm nghiệp - Công nghiệp và xây dựng - Thương mại - dịch vụ.

Năm 2021, giá trị sản xuất toàn huyện (theo giá 2010) được 6.855,38 tỷ đồng, đạt 106,72% kế hoạch, so năm 2020 tăng 1.220,71 tỷ đồng. Trong đó: Khu vực I: 3.660,94 tỷ đồng, đạt 105,47% kế hoạch, so năm 2020 tăng 433,88 tỷ đồng; khu vực II: 2.193,76 tỷ đồng, đạt 117,76% kế hoạch, so năm 2020 tăng 765,45 tỷ đồng; khu vực III: 1.000,68 tỷ đồng, đạt 91,83%, so năm 2020 tăng 21,37 tỷ đồng.

- Về dân số, lao động và việc làm: Huyện có 20.749 hộ với 84.043 nhân khẩu (trong đó có 8.668 hộ đồng bào dân tộc Khmer chiếm 41,77% so tổng số hộ dân). Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đạt 58 triệu đồng/người/năm (tăng 30 triệu đồng/người/năm so với năm 2016), ước đến cuối năm 2022, thu nhập bình quân đầu người đạt 66 triệu đồng/người/năm. Cuối năm 2021 tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 934/20.749 hộ, chiếm tỷ lệ 4,50% (giảm 20,51% so với năm 2015). Ước cuối năm 2022 qua rà soát hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,80% (giảm 375 hộ nghèo đa chiều theo chuẩn Nghị định số 07/2021/NĐ-CP). Huyện có 40.715 người trong độ tuổi lao động tham gia hoạt động kinh tế, chủ yếu tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản (trong đó: có 24.707/40.715 lao động có việc làm đã qua đào tạo nghề, chiếm 60,68%).

- Về Y tế: Huyện có Trung tâm y tế đạt chuẩn; 100% xã/thị trấn có Trạm y tế phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

- Về Văn hoá: Toàn huyện có 19.702/20.489 hộ gia đình văn hóa đạt 96,16%

so với tổng số hộ đăng ký; có 60/60 ấp - xóm đạt chuẩn văn hóa đạt 100%; có 6/6 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới theo Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL và 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị.

- Về Trường học: Hiện nay huyện còn 30 trường 460 lớp (8 trường mẫu giáo, 12 trường tiểu học, 8 trường THCS và 2 trường THPT). Trong thời gian qua ngành giáo dục huyện nhà luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, cũng như đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông.

2. Thuận lợi:

Cấp ủy, Chính quyền các cấp có sự quan tâm sâu sát, ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn sát hợp với điều kiện, nguồn lực của địa phương; nhận thức trong nội bộ và ngoài quần chúng nhân dân về Chương trình mục tiêu quốc gia từng bước được nâng lên rõ rệt, có nhiều phong trào, mô hình, tấm gương cá nhân, tập thể gương mẫu tham gia xây dựng nông thôn mới được biểu dương, khen thưởng là động lực thúc đẩy Chương trình lan tỏa trong đời sống cư dân nông thôn; diện mạo nông thôn có sự thay đổi tích cực, đời sống vật chất, tinh thần từng bước được nâng lên đáng kể; an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; các hạng mục công trình trọng điểm quốc gia đã và đang tiếp tục xây dựng như khu kinh tế Định An, Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu là điều kiện quan trọng thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong thời gian tới.

3. Khó khăn:

Huyện có xuất phát điểm kinh tế còn thấp, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dễ bị tổn thương dưới tác động của biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, khó lường; nguồn lực hỗ trợ, đầu tư thực hiện Chương trình còn rất hạn chế, kết cấu hạ tầng giao thông thiếu đồng bộ; cơ sở vật chất y tế, văn hóa, giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần trong nhân dân (năm 2015, huyện chưa có Trung tâm Y tế huyện); công tác giảm nghèo đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch, song chưa bền vững (năm 2015, huyện còn 2.826/17.866 hộ nghèo, chiếm 15,8%); nhà ở dân cư tuy được quan tâm đầu tư sửa chữa, xây dựng mới nhưng tỷ lệ nhà đạt chuẩn Bộ Xây dựng còn thấp (năm 2015, toàn huyện còn 3.918/17.866 nhà tạm, chiếm 21,93%); sản xuất nông nghiệp tại địa phương còn nhỏ lẻ, tập quán sản xuất của người dân chậm thay đổi, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh về kinh tế hợp tác để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng khó khăn (năm 2015, huyện không có hợp tác xã nông nghiệp); thu nhập người dân còn thấp, dưới 33 triệu đồng (năm 2015, huyện không có xã đạt tiêu chí thu nhập); ý thức về bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu của một bộ phận nhân dân còn thấp; tình hình an ninh nông thôn có lúc, có nơi diễn biến khó lường; số tiêu chí bình quân/xã đạt thấp (năm 2015, đạt 12,5 tiêu chí/xã).

II. Căn cứ triển khai thực hiện

- 1. Văn bản của Trung ương** (Kèm theo Phụ lục I).
- 2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh** (Kèm theo Phụ lục II).
- 3. Văn bản của huyện Duyên Hải** (Kèm theo Phụ lục III).

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Xác định nhiệm vụ hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị quan trọng, quyết định việc hoàn thành chỉ tiêu Nghị quyết Đảng bộ các cấp. Do đó, ngày từ đầu nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể là đầu năm 2022, Huyện ủy, UBND huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, phân việc phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới ngay trong năm 2022.

Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2268/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Duyên Hải giai đoạn 2021-2025 gồm 30 thành viên; kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện, gồm có 09 thành viên, đồng chí Phó Chủ tịch UBND huyện là Chánh Văn phòng và đồng chí Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chánh Văn phòng (theo Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 02/8/2022). Đồng thời, chỉ đạo 6/6 xã tổ chức thành lập Ban chỉ đạo cấp xã với 219 thành viên và kiện toàn Ban phát triển 54/54 ấp với 486 thành viên.

Nhìn chung, về tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được hoàn thiện từ huyện đến xã. Ban Chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; có ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ thành viên cụ thể. Quá trình tổ chức thực hiện, cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới; phối hợp tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của UBND, Ban chỉ đạo huyện đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện cùng chung tay tham gia thực hiện; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới và đề ra giải pháp sát hợp từng tiêu chí, từng địa phương và định kỳ tổ chức các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình.

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

2.1. Công tác truyền thông

Quán triệt nội dung Nghị quyết chuyên đề của Huyện ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, Mặt

trận Tô quốc và các tổ chức đoàn thể huyện, xã đã tập trung đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền các chủ trương của Trung ương, địa phương trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến với cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú. Ngoài việc Ban chỉ đạo huyện tổ chức lễ phát động và ký kết giao ước thi đua giữa các xã hàng năm, Đài truyền thanh huyện, xã đã biên tập, phát hơn 35 bản tin, bài viết với thời lượng khoảng 250 phút, ước có khoảng 100.000 lượt người nghe; Trang thông tin điện tử, Thông tin tư tưởng huyện cũng tích cực đăng tải hơn 80 tin, bài với nội dung thiết thực, đa dạng để người dân nắm biết và hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới.

Bên cạnh đó, Ban Dân vận Huyện ủy tham mưu phát động phong trào “Dân vận khéo” gắn với thực hiện 05 nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, vận động các hộ gia đình hội viên, đoàn viên gương mẫu đi đầu trong xây dựng nếp sống văn minh, chỉnh trang cảnh quang môi trường, làm hàng rào cây xanh, đường hoa, đèn đường nông thôn, phân loại và xử lý rác thải tại nguồn vì môi trường sáng – xanh – sạch đẹp; vận động đóng góp “Quỹ an sinh xã hội”, “Quỹ vì người nghèo”, cất nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, làm đường, cầu đường giao thông, đặc biệt là tích cực chung tay cùng cộng đồng vượt qua đại dịch covid 19. Kết quả đã vận động hơn 150 tỷ đồng, xây dựng 120 căn nhà tình nghĩa, 200 nhà tình thương, 80 nhà đại đoàn kết, xây dựng 120 tuyến đường nông thôn với chiều dài 50km, 20 tấn gạo và nhu yếu phẩm.

Một số mô hình tiêu biểu của đoàn thể được ghi nhận:

- Hội Nông dân huyện vận động cán bộ, hội viên tích cực chủ động tham gia thực hiện tốt các tiêu chí do Hội đảm nhận. Nổi bật có phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi với 4.780 hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp (cấp trung ương 17; cấp tỉnh 191, cấp huyện 721, cấp cơ sở 3.851) đã phát huy được vai trò chủ thể của Nông dân trong tuyên truyền chủ trương, chính sách về kinh tế tập thể, giới thiệu hợp tác xã điển hình tiên tiến, mô hình mới cho nông dân tham quan học tập và nhân rộng. Hội đã triển khai được 40 nhà lưới cho hội viên trồng rau theo hướng an toàn; hỗ trợ cho 3.968 hội viên vay vốn trên 107 tỷ đồng từ Quỹ hỗ trợ nông dân và vốn Ngân hàng chính sách xã hội để tổ chức sản xuất, cải thiện thu nhập góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo và làm giàu chính đáng; tổ chức quản lý và bảo dưỡng thường xuyên 12 tuyến đường giao thông nông thôn, chiều dài 24km đảm bảo sáng - xanh - sạch đẹp - an toàn.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã chủ động, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới bằng các phong trào, các hoạt động thiết thực như: Vận động 2.500 chị em thực hiện xây dựng “gia đình 5 không, 3 sạch”; 500 gương phụ nữ “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”; 200 phụ nữ “khởi nghiệp”; xây dựng 15 tổ phụ nữ góp quỹ mua hồ Bảo hiểm y tế cho chị em khó khăn, đồng người (đến nay đã mua được 300 thẻ, kinh phí hơn 30 triệu đồng; phối hợp vận động xây dựng và quản lý 12 tuyến đường hoa, chiều dài 15km, đường “sáng - xanh - sạch - đẹp”.

- Hội Cựu Chiến binh huyện đã tuyên truyền và phát động cán bộ, hội viên tích

cực hưởng ứng cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết chung sức xây dựng nông thôn mới”; nòng cốt, gương mẫu động viên nhân dân đóng góp tiền, của, ngày công chỉnh trang cảnh quan, vệ sinh môi trường; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động 60/60 “Câu lạc bộ môi trường Cựu Chiến binh” ấp, khóm, có 1.695 thành viên; vận động xây dựng được 19 căn nhà đồng đội, nhà tình nghĩa cho hội viên khó khăn về nhà ở; phối hợp xây dựng, quản lý tuyến quốc lộ 53B và 7 tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn, tổng chiều dài 19km đảm bảo tiêu chí “sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- Đoàn Thanh niên huyện đã phát huy tinh thần tình nguyện, xung kích, đi đầu tham gia thực hiện tốt các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Các cơ sở Đoàn đã tích cực vận động cán bộ, đoàn viên thanh niên và nhân dân hưởng ứng thực hiện phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”; phong trào “Thứ bảy tình nguyện”, “Chủ Nhật xanh”. Kết quả đã huy động được hơn 2.000 lượt đoàn viên đóng hơn 500 ngày công lao động để thực hiện chiến dịch làm sạch môi trường, xây dựng “Tuyến đường thanh niên tự quản về an ninh trật tự”, tuyến đường “sáng - xanh - sạch - đẹp”; xây dựng được 20 nhà nhân ái, nhà tình bạn; xây dựng, quản lý 12 tuyến đường Thanh niên tự quản, chiều dài hơn 12km.

- Liên đoàn Lao động huyện đã triển khai, tuyên truyền đến đoàn viên, công nhân viên chức lao động tham gia thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động do Công đoàn cấp trên chỉ đạo, như xây dựng và bàn giao 15 nhà “Mái ấm Công đoàn”, tổ chức 25 cuộc ra quân chăm sóc các tuyến đường hoa, vệ sinh cảnh quang môi trường nông thôn với sự tham gia của 1.200 lượt đoàn viên; vận động 100 triệu để trồng và chăm sóc 1 tuyến đường hoa chiều dài 3km (tuyến đường số 2) vào trung tâm hành chính huyện.

Nhìn chung, thời gian qua nhờ làm tốt công tác đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể kết hợp với tăng cường công tác truyền thông trong xây dựng nông thôn mới, mà nhận thức của từng cán bộ, đảng viên, hội viên đoàn thể đã được nâng lên, có tích cực tham gia làm nòng cốt trong các phong trào ở địa phương, đã làm chuyển biến mạnh mẽ diện mạo nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể so với năm 2015.

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn.

Trên cơ sở Bộ tiêu chí quốc gia, Bộ tiêu chí nông thôn mới của tỉnh, các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ ngành Trung ương, địa phương, huyện đã chỉ đạo tổ chức được 87 cuộc tập huấn để phổ biến, hướng dẫn thực hiện, có 2.160 lượt người tham dự. Đối tượng là thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện, xã, Ban quản lý cấp xã và Ban phát triển ấp. Đồng thời, phối hợp tổ chức 05 chuyên tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới trong và ngoài địa phương, có 125 lượt cán bộ, hộ dân tiêu biểu trong cộng đồng tham gia.

Nhìn chung, qua các cuộc tập huấn, tham quan, nhận thức của cán bộ, người dân về nông thôn mới đã có nâng lên, có nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả được phổ biến, nhân rộng trong cộng đồng như: câu lạc bộ môi trường, tổ sửa vá đường giao thông nông thôn (do Hội Cựu chiến binh chủ trì), phong trào thi đua sản

xuất kinh doanh giỏi (do Hội Nông dân phát động), Ngày thứ Bảy tình nguyện, phong trào Thắp sáng đường quê (do Đoàn Thanh niên phát động), mô hình Biển rác thải thành tiền, Tổ góp vốn mua Bảo hiểm Y tế (do Hội liên hiệp Phụ nữ phát động),...

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới

Tổng nguồn lực huy động thực hiện cho cả giai đoạn 2015-2022 là 1.285.408 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn Trung ương là 211.049 triệu đồng, chiếm 16,42%
- Vốn ngân sách tỉnh là 525.686 triệu đồng, chiếm 40,90%
- Vốn ngân sách huyện 76.134 triệu đồng, chiếm 5,92%
- Vốn ngân sách xã là 20.830 triệu đồng, chiếm 1,62%
- Vốn vay tín dụng 337.355 triệu đồng, chiếm 26,24%
- Vốn cộng đồng dân cư là: 103.632 triệu đồng, chiếm 8,07%.
- Nguồn vốn khác 10.722 triệu đồng, chiếm 0,83%

IV. Kết quả thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới

1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định

1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 06
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 06
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%
- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 02
- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 33,33%

1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định:

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 01
- Số thị trấn đã được công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh: 01
- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%

2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã trên địa bàn huyện

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch:

Quy hoạch được xác định là nội dung cần được triển khai trước một bước để định hướng trong xây dựng nông thôn mới và đầu tư phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Giai đoạn đầu triển khai chương trình chưa có xã nào thực hiện đạt tiêu chí quy hoạch trên địa bàn, xác định rõ tầm quan trọng công tác lập quy hoạch 06/06 xã tiến hành hợp đồng các đơn vị tư vấn triển khai thu thập số liệu, khảo sát đánh giá thực trạng kinh tế-xã hội của địa phương. Công tác lập quy hoạch được thực hiện bài bản đảm bảo tính xác thực, phù hợp với điều kiện và tiềm năng lợi thế của từng địa

phương. Đồ án quy hoạch xây dựng NTM của các xã được các phòng chuyên môn của huyện tham gia chỉnh sửa, thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt. Đến tháng 12/2018 đến tháng 11/2020 đã có 06/06 xã được Chủ tịch UBND huyện ra Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung về xây dựng nông thôn mới và quy chế quản lý quy hoạch. Ủy ban nhân dân các xã có tổ chức hội nghị công khai quy hoạch rộng rãi để nhân dân biết và thực hiện theo quy định.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu:

2.2.1 Về giao thông:

Trước khi xây dựng nông thôn mới mạng lưới đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện phần lớn chưa hoàn chỉnh về tải trọng, quy mô, kết cấu, cấp hạng kỹ thuật, vẫn còn một số tuyến đường đất, lầy lội vào mùa mưa, gây khó khăn cho phương tiện và người dân lưu thông. Đặc biệt cầu và đường chưa đồng bộ về tải trọng và khổ cầu, nhiều cầu tải trọng thấp hoặc cầu gỗ, nhiều công trình cầu và đường giao thông sau nhiều năm đưa vào khai thác đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhất là một số tuyến đường xã, đường trục ấp, đường liên ấp, đường ngõ xóm chưa hoàn chỉnh, khi đó huyện có 187,2 km đường giao thông nông thôn với 55 cây cầu, các tuyến đường được nhựa hóa, bê tông hóa đạt khoảng 59,4%, mặt đường một số tuyến bị hư hỏng cần phải được nâng cấp, cải tạo.

Qua 07 năm (2015-2022) triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực đầu tư bằng nhiều nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân. Đến nay, huyện đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn (láng nhựa, bê tông hóa) tổng chiều dài 461,5 km, cụ thể:

- Đường liên xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Đã đầu tư xây dựng nhựa hóa và nâng cấp, mở rộng, tổng chiều dài 54,075km, đạt 100% quy hoạch, trong đó: Quốc lộ 53 tuyến dài 18,79 km, Quốc lộ 53B tuyến dài 14,025 km, Đường tỉnh 02 tuyến (Đường tỉnh 914 và Đường tỉnh 911), dài 18,605km, đường huyện 01 tuyến, dài 2,65 km. Mỗi xã có tối thiểu 01 tuyến đường trục xã, liên xã đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 5m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục ấp và liên ấp: Đã đầu tư xây dựng nhựa hóa, bê tông hóa được 149,9km/158,425km, đạt 94,4% quy hoạch; các tuyến đường trục ấp và liên ấp trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,5m, mặt đường rộng từ 3 – 3,5m trở lên, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ, xóm: Đã đầu tư xây dựng bê tông, cấp phối đá và các vật liệu khác không lầy lội vào mùa mưa được 139,3/163,9km, đạt 85 % quy hoạch, các tuyến

đường ngõ xóm trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 2,5m, đường sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đảm bảo cho nhân dân đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng: Đã đầu tư xây dựng nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa 69,01km/85,1km đạt 81,1% quy hoạch; các tuyến đường trục chính nội đồng đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 3 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Ngoài ra, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 32 cây cầu giao thông nông thôn bằng bê tông cốt thép, kết cấu cơ bản đồng bộ về tải trọng và khổ cầu so với các tuyến đường giao thông nông thôn, đảm bảo cho nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 1 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.2 Về thủy lợi:

Duyên Hải là huyện ven biển Đồng bằng sông Cửu Long với hệ thống sông rạch khá dày đặc trong địa bàn huyện như:

- Hệ thống kinh Nguyễn Văn Phò - sông Láng Säck, kênh đào Trà Vinh. Đây là hệ thống chính qua trung tâm huyện theo hướng Đông - Tây (Biển - sông Hậu); sông La Ghi, sông Vàm Rạch cỏ (Long Vĩnh); sông Vĩnh Lợi, sông Phước Thiện, rạch Giồng, sông Động Cao (Đông Hải) rất thuận lợi cung cấp nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Vùng phía Bắc tỉnh lộ 914 nằm sâu trong nội đồng bao quanh các giồng cát và trục giao thông cùng với hệ thống thủy lợi ngăn mặn Nam Măng Thít nên không bị nhiễm mặn, gồm các hệ thống kênh 3 tháng 2, kênh Thầy Nại, kênh Năm Nhứt, kênh Lạc Sơn – Thị Gòn đảm bảo việc cung cấp nguồn nước ngọt phục vụ tưới tiêu cho sản xuất lúa, màu.

Xác định thủy lợi là một trong những tiêu chí quan trọng để đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu lại ngành nông nghiệp và mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn. Ủy ban nhân dân huyện luôn quan tâm chỉ đạo, đầu tư phát triển hệ thống kênh, mương, cống, bọng; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện các nội dung của tiêu chí thủy lợi theo kế hoạch. Đến nay huyện có 110 tuyến kênh, tổng chiều dài 156,732 km, trong đó có 01 kênh cấp I, chiều dài 4,4km; 03 kênh cấp II, chiều dài 32,283km; 106 kênh cấp 3 chiều dài 120,149km. Hệ thống thủy lợi của huyện đã được thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 20.399/20.399 ha diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đạt 100%. Hệ thống thủy lợi của huyện thường xuyên được nạo vét đồng bộ, tạo thành một hệ thống thủy lợi liên xã theo đúng quy hoạch, đáp ứng được nhu cầu nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

Chỉ đạo các xã thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định tại Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều. Thường xuyên kiểm tra các công trình sung yếu, đề nghị nâng cấp, sửa chữa, ứng phó với tình trạng hạn mặn, triều cường, hàng năm kết hợp với văn phòng BCH phòng chống thiên tai cấp Tỉnh tổ chức các lớp tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng, chống thiên tai. Việc xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương tuân thủ theo quy hoạch quy định. Qua kiểm tra theo dõi chưa phát hiện trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai theo quy định.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 03 về Thủy lợi theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.3 Về điện:

Cuối năm 2015 huyện Duyên Hải có 172,838 km trung thế (116,976 km 1 pha; 55,862 km 3 pha); 306 km hạ thế (Điện lực: 242,887 km; Điện nông thôn: 63,155 km) 373 trạm máy biến áp; có 19.580 hộ sử dụng điện (17.851 hộ sử dụng điện an toàn, 1.729 hộ sử dụng điện không an toàn), đạt 97,04% tổng số hộ toàn huyện. Lưới điện trung hạ thế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, chủ yếu là Trạm biến áp nhỏ 01 pha. Tuyến 22kv chạy dọc theo tuyến chính, đi trên cột bê tông ly tâm tiết diện dây nhỏ, nguồn điện chủ yếu sử dụng cho sinh hoạt, chưa đáp ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất. Tranh thủ các nguồn lực cùng với ngành điện triển khai xây dựng mới các dự án, công trình điện, đồng thời nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện hiện hữu và gắn điện kế cho các hộ dân trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, an toàn cho người sử dụng theo quy định ngành điện. Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, áp với tổng số có 250,983 km đường dây trung thế và 640,646 km đường dây hạ thế và 753 trạm biến áp với 64.760,5 kVA; số hộ sử dụng điện là 20.735/20.818 hộ đạt tỷ lệ 99,60%; số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn có 20.641/20.735 đạt 99,55%. Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và phục vụ sản xuất của nhân dân.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.4 Về trường học:

Năm 2015, sau khi chia tách toàn huyện có 37 trường học (gồm: 08 trường Mẫu giáo, 19 trường Tiểu học, 08 trường Trung học cơ sở (có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú) và 02 trường THPT), với 382 phòng học trong đó phòng học kiên cố

261 phòng tỷ lệ 68.3% còn lại bán kiên cố không đạt chuẩn, khi đó chỉ có 1/37 trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 2,7%. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương đảng khóa XII về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu quả, huyện đã rà soát thực hiện sáp nhập 07 trường tiểu học trên địa bàn. Đến nay huyện còn 30 trường (8 trường mẫu giáo, 12 trường tiểu học, 8 trường THCS và 2 trường THPT). Trong thời gian qua ngành giáo dục huyện nhà luôn được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo, cũng như đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018 như: cải tạo 501 phòng học, xây dựng mới 226 phòng học và các công trình phụ trợ như hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị dạy học với tổng kinh phí đầu tư là 250 tỷ đồng (trong đó, kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trường học trường học để đạt tiêu chí 5 tại 06 xã nông thôn mới là 227,5 tỷ đồng, đầu tư 02/02 trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia với kinh phí 22,50 tỷ đồng). Từ đó, trường lớp học ngày một khang trang hơn, tạo điều kiện cho các em học sinh học tập tốt hơn, nhất là những học sinh ở vùng xa, vùng đồng bào dân tộc Khmer. Diện mạo giáo dục ở 06 xã có nhiều khởi sắc, tính đến năm 2022 đã có 12 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 tăng 11 trường (01 trường mẫu giáo, 6 trường tiểu học, 3 THCS và 2 trường THPT), 30/30 trường có cơ sở vật chất đạt mức tối thiểu trở lên, 100% phòng học xây dựng kiên cố, hiện đưa vào sử dụng 501 phòng và đang xây dựng 97 phòng (tăng 270 phòng so với năm 2015).

Đánh giá: 6/6 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.5 Về cơ sở vật chất văn hóa:

Trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới, cơ sở vật chất văn hóa, khu vui chơi, giải trí ở cấp huyện chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân địa phương, các xã chưa có sân vận động đạt chuẩn, chưa có khu vui chơi, giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em, không có các phòng chức năng, nhà văn hóa áp đa số diện tích nhỏ, cơ sở vật chất rất hạn chế, chưa có nhà văn hóa xã, áp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Từ đó, tập trung đầu tư xây dựng mới 06/06 nhà văn hóa cấp xã, mỗi xã đều có 03 phòng chức năng; quy mô nhà văn hóa xã từ 200 - 300 chỗ ngồi, phục vụ tốt hội, họp và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng ở địa phương. Nâng cấp và xây dựng mới 60/60 nhà văn hóa ấp, đạt 100%, với quy mô từ 80 - 100 chỗ ngồi, phục vụ cho nhu cầu vui chơi và sinh hoạt cộng đồng, có bố trí đầy đủ cơ sở vật chất cho nhà văn hóa. Tại các nhà văn hóa, và khu vui chơi hàng ngày người dân, thanh thiếu niên đến vui chơi tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe với các hoạt động như đá bóng, đánh bóng chuyên, chơi cờ tướng,... Đặc biệt vào các ngày thứ Bảy, chủ Nhật hàng tuần tại các nhà văn hóa ấp, khóm tổ chức giao lưu đờn ca tài tử; nhân dịp lễ - tết có tổ chức giao lưu giải bóng đá, bóng chuyền. Các thiết chế văn hóa được đầu tư đảm bảo theo

quy định. Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện đang được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn và hoạt động hiệu quả. Thông qua sinh hoạt cộng đồng, giúp người dân thêm gắn kết tình làng nghĩa xóm, kịp thời nắm bắt các chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau trong cộng đồng được thắt chặt hơn.

Toàn huyện có 06 xã có sân bóng đá (xã Đôn Xuân diện tích 10.323m² được đầu tư kinh phí 01 tỷ đồng, xây dựng hạng mục đường vào và cổng; xã Long Vĩnh diện tích có 02 sân thể thao (01 tại ấp Cái Cỏ với diện tích 3.200 m², 01 tại ấp Giồng Bàn với diện tích 10.646m² phê duyệt năm 2021 với tổng kinh phí 2 tỷ đồng); xã Ngũ Lạc diện tích 10.619 m² và hiện nay đang lập hồ sơ đấu thầu nâng lên thành sân vận động huyện với kinh phí 10 tỷ đồng; xã Đông Hải diện tích 13.000 m² với tổng kinh phí 2 tỷ đồng, xã Long Khánh phê duyệt năm 2022 với kinh phí 1 tỷ đồng diện tích 5.600 m²; xã Đôn Châu phê duyệt năm 2022 với kinh phí 3 tỷ đồng diện tích 13.000 m². Ngoài ra, trên địa bàn xã Long Khánh, Thị trấn Long Thành và xã Ngũ Lạc được người dân xã hội hoá đầu tư 04 sân bóng mini nhân tạo và 01 phòng tập thể hình (Gym) phục vụ nhu cầu sinh hoạt thể dục - thể thao cho người dân. Nhìn chung, phong trào thể dục, thể thao trên địa bàn huyện ngày càng phát triển, tạo được sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên, góp phần phát triển thể lực, tăng cường sức khỏe, tỷ lệ thanh thiếu niên vi phạm pháp luật giảm đáng kể.

Đánh giá: 6/6 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.6 Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

Năm 2015, toàn huyện có 08 chợ, chủ yếu là chợ hạng 3. Để đáp ứng nhu cầu kinh doanh thương mại, trao đổi hàng hóa của nhân dân, huyện đã tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo các chợ Long Thành, Long Vĩnh, Đông Hải, Cồn Cù, Long Khánh, Ngũ Lạc, Đôn Châu và Đôn Xuân. Tổng diện tích chợ đã được nâng cấp, cải tạo khoảng 32.786 m², tổng kinh phí đầu tư 12,5 tỷ đồng (Nhà nước đầu tư 2,5 tỷ đồng; Doanh nghiệp đầu tư 10 tỷ đồng) với 1.250 hộ kinh doanh, thực hiện mô hình chuyển đổi kinh doanh, khai thác và quản lý chợ, đến nay huyện Duyên Hải đã thực hiện chuyển đổi giao cho Doanh nghiệp/Hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý là 02 chợ (Chợ Long Thành và Chợ Đôn Xuân).

Đối với các chợ xã đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý chợ, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh,...Có 100% xã nông thôn mới của huyện có hệ thống chợ được đầu tư khang trang, đáp ứng nhu cầu thương mại cho nhân dân.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết

định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.7 Về thông tin và truyền thông:

Trong những năm qua, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện có bước phát triển, đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên. Toàn huyện có 7 điểm bưu chính phục vụ văn hóa ở các xã, thị trấn.

Trên địa bàn huyện có 44 điểm thu phát sóng dịch vụ viễn thông, internet của Viettel, VNPT, Moibil,... đã phủ sóng đảm bảo người dân sử dụng dịch vụ 24/24h, có 15 điểm kinh doanh dịch vụ internet công cộng với 197 máy.

Huyện có 01 Đài Truyền thanh huyện. Có 7/7 trạm phát thanh xã, thị trấn; Có 119 cụm loa được lắp đặt đến 60/60 ấp - khóm, duy trì hoạt động thường xuyên, truyền tải những Chủ trương của Đảng, Chính sách pháp luật của Nhà nước đến người dân trên địa bàn huyện.

Huyện có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành ở tất cả các cơ quan Khối Đảng, Nhà nước và khối đoàn thể - chính trị, xã hội của huyện, Chủ yếu là sử dụng 4 loại phần mềm theo quy định; 100% CBCC được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ trao đổi công việc; Hệ thống một cửa điện tử (iGate); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý qua hệ thống một cửa điện tử; 100% thủ tục hành chính được cung cấp trực tuyến mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%. Cán bộ, công chức, viên chức có chứng chỉ A, chứng chỉ B, nâng cao, kỹ thuật viên tin học trở lên đáp ứng việc sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành tất cả các ngành của huyện đều có máy tính được kết nối mạng. Trong quản lý việc sử dụng phần mềm trong cải cách hành chính ở huyện đạt mức độ 3-4, tỉ lệ chữ ký số chiếm khoảng 80% trên số văn bản.

Về cơ sở vật chất: 100% cán bộ, công chức, viên chức có máy vi tính phục vụ công tác chuyên môn. Có 224 máy bố trí cho cán bộ, công chức xã, thị trấn trong quản lý điều hành; Huyện đầu tư kinh phí gần 3 tỷ đồng, cho 3 phòng họp trực tuyến của huyện và 7/7 phòng họp trực tuyến cho xã, thị trấn và 60/60 ấp, khóm; 28 điểm trường học có kết nối thiết bị phòng họp trực tuyến với các cấp.

Về ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: 100% cán bộ, công chức, viên chức huyện biết sử dụng máy vi tính phục vụ hoạt động chuyên môn. Tăng cường ứng dụng các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ như: Phần mềm Kế toán, Kế khai thuế, Bảo hiểm, quản lý Hộ tịch...

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.2.8 Về nhà ở dân cư:

Với sự quyết liệt tập trung chỉ đạo của cả hệ thống chính trị chung sức xây dựng nông thôn mới, huyện tập trung triển khai thực hiện tốt nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế, giảm nghèo hiệu quả, trong đó có chính sách hỗ trợ nhà ở và đất sản xuất cho hộ nghèo. Từ đó, đời sống người dân được nâng lên, điều kiện sống tốt hơn, hạ tầng nhà ở dân cư ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang, cụ thể các Chương trình, chính sách: Thực hiện tốt chương trình hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015 và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo (ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ), Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; sửa chữa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, huyện vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm xây dựng nhà đồng đội, nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà mái ấm công đoàn.... ; đồng thời vận động Nhân dân tập trung nguồn lực chỉnh trang nhà ở, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà ở xuống cấp đảm bảo nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng.

Từ các chương trình hỗ trợ trên và tự xây cất mới nhà ở dân cư khang trang của người dân giai đoạn 2015-2021 huyện đã hỗ trợ 2.370 căn nhà từ các nguồn (trong đó: 450 căn nhà cho gia đình có công cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ vốn và vận động xây dựng mới, sửa chữa 930 nhà ở cho hộ nghèo; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội vận động các tổ chức, doanh nghiệp, mạnh thường quân trong và ngoài huyện thực hiện chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đã vận động hỗ trợ xây dựng mới 480 căn nhà tình nghĩa, 210 căn nhà tình thương, 300 căn nhà đại đoàn kết). Đến nay, 06 xã trên địa bàn huyện có 19.041 căn nhà, trong đó nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng là 17.285/19.041 căn, chiếm tỷ lệ 91,65%; số còn lại nhà chưa đạt chuẩn nhưng vẫn đảm bảo cho việc ở và sinh hoạt của gia đình, huyện không còn nhà tạm, dột nát.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo:

2.3.1 Về nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản:

Do đặc thù về điều kiện tự nhiên, diện tích nông nghiệp 22.146,17 ha¹ bố trí

¹ Trong đó: 1.625,66 ha là đất rừng phòng hộ.

trong sản xuất nông nghiệp của huyện, hình thành nên 4 tiểu vùng sản xuất phân theo vùng sinh thái.

Tiểu vùng 1: Với diện tích đất nông nghiệp (đất trồng lúa) 3.565,17 ha, gồm các xã Ngũ Lạc, Đôn Xuân, Đôn Châu, sản xuất chủ yếu là đất trồng lúa.

Tiểu vùng 2: Với diện tích đất nông nghiệp (đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm khác) 1.619,96 ha, gồm xã Đôn Châu, Đôn Xuân và Ngũ Lạc, Thị trấn Long Thành, Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh, bố trí sản xuất chuyên canh cây rau màu và cây ăn quả lâu năm.

Tiểu vùng 3: diện tích đất nông nghiệp 15.172,98 ha (đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp khác), gồm các xã-thị trấn: Đôn Châu, Đôn Xuân và Ngũ Lạc, Thị trấn Long Thành, Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh, bố trí sản xuất nuôi thủy sản kết hợp trồng rừng, nuôi tôm thâm canh mật độ cao.

Tiểu vùng 4: với diện tích đất nông nghiệp 162,39 ha (đất làm muối), ở xã Đông Hải, bố trí chuyên làm muối.

Tương ứng với mỗi tiểu vùng sản xuất, huyện xác định cây trồng, vật nuôi và thủy sản chủ lực để tập trung các giải pháp chỉ đạo phát triển phù hợp, nhờ vậy đến nay sản xuất nông, ngư, lâm nghiệp của huyện phát triển theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng. Về tổng thể, kinh tế nông - ngư - lâm nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất, đồng thời giảm tỷ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất chung của huyện; cơ cấu giá trị sản xuất chăn nuôi, cây ăn quả, rau màu và thủy sản tiếp tục tăng.

Trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, huyện được xác định là cây lúa, cây ăn trái, rau, màu thực phẩm và nuôi dê, bò.

Cây lúa với tổng diện tích sản xuất trên 3.565,17 ha. Huyện đang hướng tới mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực là lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ. Phát triển chuỗi giá trị lúa chất lượng cao theo hướng nông nghiệp sạch quy mô liên xã. Mô hình sản xuất lúa sạch, an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm.

Các địa phương mạnh dạn chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu. Tổng diện tích gieo trồng trên địa bàn qua các năm (từ năm 2016 đến tháng 6 năm 2022) là 21.086,9 ha, chuyển đất lúa kém hiệu quả, vườn tạp sang trồng màu 1.116,7 ha. Bình quân năng suất lúa đạt 4,6 tấn/ha.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi đóng góp quan trọng trong nền nông nghiệp của huyện, trong đó chăn nuôi bò, dê đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giúp rất nhiều hộ nông dân thoát nghèo. Tổng đàn gia súc có 215.988 con, tăng 24,79% so với năm 2016, trong đó đàn bò 12.109 con, dê 11.660, trâu 33 con, heo 5.915 con; đàn gia cầm 186.271 con, tăng 35,48% so với năm 2016. Chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành chăn nuôi đã giúp nâng cao năng suất, chất lượng đàn vật nuôi, giảm dần các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, hình thành các hộ chăn nuôi với quy mô trang trại, gia trại. Mặt khác, việc đẩy mạnh liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm đã từng bước làm

thay đổi tập quán trong sản xuất và kinh doanh, giúp người chăn nuôi chủ động trong công tác chăn nuôi, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phòng, chống dịch bệnh và ổn định đầu ra.

Lâm nghiệp: Công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng được quan tâm góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chống sạt lở, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, diện tích rừng mở rộng, trồng mới 173,5 ha rừng, 46.200 cây phân tán, diện tích rừng của huyện. Diện tích rừng tăng từ 4.948,8 ha năm 2016 lên 5.071,7 ha năm 2021; tỷ lệ che phủ rừng từ 16,2% năm 2016 tăng lên 16,61% năm 2021.

Thủy sản: Xác định nuôi trồng thủy sản là thế mạnh của huyện, trong những năm qua, huyện tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển ngành nuôi thủy sản. Chuyển đổi đất sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi thủy sản 1.460,5 ha; chuyên hình thức nuôi tôm sú quảng canh cải tiến, bán thâm canh sang hình thức nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao trên 729,6 ha⁽²⁾. Bình quân hàng năm có 30.640 lượt hộ nuôi các loài thủy sản trên 9.719,2 ha mặt nước, tăng 274 ha so năm 2016. Nuôi các loài nhuyễn thể trên sông, bãi bồi ven sông, ven biển được đầu tư mở rộng. Khai thác, đánh bắt thủy sản ở các xã ven biển góp phần tăng tổng sản lượng thủy sản. Giá trị sản phẩm bình quân trên 01 ha đối với đất mặt nước nuôi thủy sản 303 triệu đồng/năm, tăng 73 triệu đồng/ha so với năm 2016.

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ, nhiều chính sách đã có tác động thúc đẩy phát triển sản xuất mang lại hiệu quả cao, như chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa... Các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện có đảm bảo phục vụ đa mục tiêu, được duy tu, nạo vét, chống xuống cấp, khơi thông dòng chảy đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông, sinh hoạt. Công tác tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất và xây dựng các mô hình trình diễn góp phần định hướng, hỗ trợ nông dân chuyển đổi, nâng cao chất lượng, năng suất hàng hóa nông sản đáp ứng yêu cầu sản xuất đa dạng, sát yêu cầu; tay nghề của người dân liên tục được nâng lên. Tiếp nhận và phân bổ 25 tấn hóa chất Chlorine cho các xã, thị trấn để hỗ trợ các hộ nuôi tôm xử lý phòng, chống dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; Hỗ trợ giống lúa mới theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ với số giống 76.366 kg, diện tích 636,38 ha, tổng số tiền hỗ trợ 1,311 tỷ đồng; Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh cho 01 tập thể và 07 cá nhân số tiền 790 triệu đồng. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm cho 02 HTX nông nghiệp số tiền 748,7 triệu đồng.

2.3.2 Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ:

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ nông thôn phát triển, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 6 tháng đầu năm 2022

⁽²⁾Hình thức nuôi này bước đầu cho hiệu quả kinh tế cao, lợi nhuận bình quân 3 tỷ đồng/ha/năm, cao hơn 17 lần so hình thức nuôi truyền thống.

trong đó: Khu vực I: 2.001,34 tỷ đồng, đạt 52,98% kế hoạch (so với cùng kỳ năm 2021 tăng 112,45 tỷ đồng); khu vực II: 1.345,91 tỷ đồng, đạt 46,65% kế hoạch (so với cùng kỳ năm 2021 tăng 376,01 tỷ đồng); khu vực III: 600 tỷ đồng, đạt 50,55% kế hoạch (so với cùng kỳ năm 2021 tăng 13,79 tỷ đồng). Hệ thống các chợ nông thôn ở các xã, thị trấn đáp ứng nhu cầu trao đổi, mua sắm hàng hóa của người dân. Mặt khác, huyện đã phối hợp với Sở Công thương tổ chức nhiều phiên chợ hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với hàng Việt Nam chất lượng cao, giá cả hợp lý. Đồng thời, thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

2.3.3 Một số kết quả chính: Thu nhập bình quân đầu người/năm và tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn của huyện.

- *Thu nhập:* Trước đây đời sống người dân còn nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất không cao, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế không đảm bảo, tiêu chí thu nhập không đạt. Cuối năm 2016, thu nhập bình quân đầu người của huyện chỉ đạt 28 triệu đồng/người/năm.

Khi triển khai xây dựng nông thôn mới nhiều chủ trương chính sách phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện. Kết cấu hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, chợ nông thôn... được đầu tư, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Trong lĩnh vực nông nghiệp, người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững, mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, sản xuất lúa chất lượng cao, cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, trồng màu có giá trị kinh tế cao như: Nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao, trồng bắp giống, bắp lai,... Phát triển mạnh vùng nuôi thủy sản với nuôi tôm thẻ chân trắng cho lợi nhuận trung bình từ 110 - 170 triệu đồng/ha (cao gấp 17 lần so với nuôi truyền thống)

Trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại, xây dựng, nhiều doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể thành lập mới, hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả; lao động làm công ăn lương thuộc khu vực Nhà nước, tại doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể mang lại thu nhập cao cho người dân trên địa bàn huyện... góp phần tăng thu nhập cho người dân. Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đạt 58 triệu đồng/người/năm (tăng 30 triệu đồng/người/năm so với năm 2016). Ước đến cuối năm 2022, thu nhập bình quân đầu người đạt 66 triệu đồng/người/năm.

- *Hộ nghèo:* Năm 2015 qua điều tra, rà soát hộ nghèo theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện có 5.079/20.306 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 25,01%. Cùng với việc thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế của huyện, trong những năm qua huyện thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, triển khai thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách giảm nghèo kịp thời cho người dân. Đến nay tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 934/20.749 hộ, chiếm tỷ lệ

4,50% (giảm 20,51% so với năm 2015). Ước cuối năm 2022 qua rà soát hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,80% (giảm 375 hộ nghèo đa chiều theo chuẩn Nghị định số 07/2021/NĐ-CP), như vậy tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 2,70%.

2.3.4 Về lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ:

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo rất thấp, cụ thể năm 2015 chỉ có 20.479/44.520 lao động trong độ tuổi có việc làm, chiếm tỷ lệ 46%, do phần lớn lực lượng lao động chưa được qua đào tạo nghề, lao động phổ thông là chủ yếu, năng suất lao động thấp.

Khi có chủ trương xây dựng nông thôn mới, việc rà soát lao động trong độ tuổi được thực hiện chặt chẽ hơn, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với giới thiệu việc làm, thực hiện tốt công tác liên kết, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người lao động ở địa phương đến làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động. Trong những năm qua, huyện đã liên kết đào tạo được trên 34 lớp dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, có 796 học viên tham gia học tập. Đến nay, trên địa bàn huyện có 45.306/45.306 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động và có việc làm, đạt tỷ lệ 100%.

2.3.5 Về tổ chức sản xuất:

Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại: Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy “về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể”. Kinh tế tập thể của huyện đã có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực. Vốn góp cổ phần của hợp tác xã (HTX) thành lập mới cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên trong tham gia quản lý điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng.

Năm 2016, toàn huyện có 03 HTX hoạt động (trong đó 02 lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và 01 Hợp tác xã dịch vụ). Hiện nay trên địa bàn huyện có 12 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, với 632 thành viên, tổng vốn điều lệ 9,479 tỷ đồng. Qua rà soát, đánh giá, phân loại các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo Thông tư số 09/2017/TT-BNNPTNT ngày 17/4/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết quả như sau: 04 HTX đạt loại khá³; 02 HTX đạt loại trung bình⁴; 03 HTX⁵ loại yếu ngưng hoạt động chờ giải thể; 03 HTX chưa thực hiện đánh

³ HTX Nông nghiệp hữu cơ Ngũ Lạc; HTX Nông nghiệp Đôn Xuân; HTX Nông nghiệp Long Khánh; HTX Nông nghiệp Hồ Thùng.

⁴ HTX NN Đại Phát Lợi; HTX NN Vạn Thành.

giá do mới thành lập chưa đủ 12 tháng⁶ (tăng 10 HTX so với năm 2016). Các hợp tác xã đều được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã. Đi đôi với hoạt động của HTX các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể luôn được huyện quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hoạt động của HTX, cụ thể như: đã hỗ trợ kinh phí thành lập mới cho các HTX số tiền 493,220 triệu đồng; hỗ trợ trả lương cho cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở HTX tổng số tiền hỗ trợ 2,124 tỷ đồng. Hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến, đem lại hiệu quả thiết thực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động; có nhiều hợp đồng hợp tác liên doanh, liên kết với nhau và với các doanh nghiệp đối tác thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường trong, ngoài tỉnh điển hình như: HTX Nông nghiệp Long Khánh hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng và cung cấp dịch vụ thủy sản đã chủ liên kết với công ty, doanh nghiệp cung cấp giống, thuốc, hóa chất, thức ăn, vật tư đầu vào và ký hợp đồng mua bán tôm thương phẩm đảm bảo ổn định giá đầu ra cho các thành viên đã tiết giảm được chi phí và gia tăng lợi nhuận cho các thành viên từ 7-10%; HTX nông nghiệp Hồ Thùng, Hợp tác xã nông nghiệp Hữu Cơ hoạt động trong lĩnh vực trồng màu đã chủ động liên kết với Công ty giống Miền Nam, các công ty xuất, nhập khẩu nông sản tổ chức xuất gắn với tiêu thụ giống bắp lai, ớt chỉ thiên và một số mặt hàng nông sản xuất khẩu khác đã mang lại lợi ích thiết thực cho thành viên hợp tác xã, từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí về Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường:

Các nội dung về văn hóa, giáo dục, y tế và công tác bảo vệ môi trường được Ủy ban nhân dân huyện xác định thuộc các tiêu chí mềm, phải có sự chung sức, đồng thuận tham gia của tất cả người dân trên địa bàn, được xác định là nhiệm vụ quan trọng trước mắt trong xây dựng nông thôn mới, nhất là tiêu chí về môi trường.

2.4.1 Về giáo dục và đào tạo:

Từ khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng giáo dục trên địa bàn các xã, thị trấn từng bước được củng cố và nâng lên. Việc chăm sóc giáo dục trẻ em luôn được quan tâm đúng mức. Đến nay có 06/06 xã đều được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ: Phổ cập mầm non 5 tuổi

⁵ HTX NN Tân Thanh; HTX NN Thuận Thiên; HTX Nông nghiệp – Tài nguyên..

⁶ HTX NN Vũng Tàu Long Vĩnh; HTX CN Đồng Thuận Đông Hải; HTX NN Tâm Huyét Long Khánh.

tiếp tục duy trì, phổ cập xóa mù chữ đạt mức độ 2 (tăng 1 mức độ so với năm 2015), phổ cập tiểu học đạt mức độ 3 (tăng 1 mức độ so với năm 2015), phổ cập THCS đạt mức độ 3 (tăng 1 mức độ so với năm 2015). Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đạt 85% (tăng 30,12% so với năm 2015), trong độ tuổi tiểu học đạt 100% tăng 0,02% so với năm 2015, trong độ tuổi THCS 98,3% (tăng 9,33% so với năm 2015) và trong độ tuổi THPT đạt trên 77% (tăng 5,27% so với năm 2015). Đội ngũ nhà giáo ngày càng được củng cố cả về số lượng và chất lượng đáp ứng nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ đổi mới giáo dục, hiện tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tính đến ngày 15/8/2022 là 834 và người lao động là 47. Trong đó, số giáo viên, cán bộ quản lý trình độ thạc sĩ 3/793 (chiếm 0.38% tăng 0,25% so với năm 2015), trình độ đại học 630/793 (chiếm 79.4%) tăng 24.2% so với năm 2015, trình độ cao đẳng 137/793 (chiếm 17,3%) giảm 13.6% so với năm 2015, trung cấp 23/793 (chiếm 2.9%) giảm 10.85% so với năm 2015.

Tỷ lệ học sinh 06 xã tốt nghiệp THCS năm học 2021 - 2022 được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) năm học 2022 - 2023 đều vượt chỉ tiêu quy định (đều đạt tỷ lệ trên 90%).

Hàng năm Trung tâm học tập cộng đồng của 06/06 xã được đánh giá xếp loại Tốt; Cộng đồng học tập cấp xã của 06/06 xã được đánh giá xếp loại Tốt

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí về Giáo dục và đào tạo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.4.2 Về y tế:

Công tác chăm sóc y tế, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được huyện chú trọng quan tâm. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Huyện ủy đã chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho nhóm đối tượng tham gia. Trong giai đoạn 2015-2020 các xã thuộc chương trình 135 và xã bãi ngang ven biển nên được Nhà nước hỗ trợ 100% về thẻ bảo hiểm y tế. Tuy nhiên trong giai đoạn 2021-2025 ngoài 03 xã (Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải) tiếp tục hưởng chính sách về y tế, các xã còn lại (Ngũ Lạc, Đôn Châu, Đôn Xuân) đã thoát ra khỏi xã thuộc chương trình hỗ trợ thì người dân phải tự nguyện mua bảo hiểm y tế theo quy định, hiện còn chủ yếu các nhóm đối tượng được cấp thẻ là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội. Còn lại nhóm đối tượng tự tham gia bảo hiểm y tế là rất cao.

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện từng tiêu chí. Việc thành lập Ban chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đã góp

phần nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng lên đáng kể. Đến nay, tổng số người khu vực nông thôn tham gia bảo hiểm y tế là 68.466/73.595 người, đạt 93,03%.

Giai đoạn 2015-2020, Trung tâm Y tế huyện đã triển khai thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã, kết quả đến nay có 06/06 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT của Bộ Y tế, quản lý 5.721 trẻ em dưới 5 tuổi, trong đó có 632 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm tỷ lệ 11,36%. Chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.4.3 Về văn hóa:

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội gắn với Phong trào ‘Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa’ trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực, các hủ tục lạc hậu được loại bỏ; nét đẹp văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động lễ hội được giữ gìn và phát huy. Công tác bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình được quan tâm, nhiều câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình được phát huy hiệu quả hoạt động. Các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, thu hút nhiều người tham gia, phát huy được các thiết chế đã đầu tư, góp phần đáng kể trong luyện tập, nâng cao thể lực, sức khỏe, hạnh phúc gia đình.

Trong phát triển xây dựng nếp sống văn hóa - nông thôn mới: Toàn huyện có 19.702/ 20.489 hộ7 đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới đạt 96,16%; có 54/54 ấp8 được công nhận đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành tiêu chuẩn “Áp văn hóa, Áp nông thôn mới”, “gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; có 6/6 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, đạt 100% (tăng 06 xã văn hóa nông thôn mới so với năm 2015); thị trấn Long Thành được công nhận thị trấn văn minh đô thị.

Đánh giá: 6/6 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

⁷ xã Đông Hải: 2.814/2.922 hộ; xã Long Vĩnh: 3.251/3.351 hộ; xã Long Khánh: 1.739/1.799 hộ; xã Ngũ Lạc: 4.288/4.538 hộ; xã Đôn Châu: 2.995/3.079 hộ; xã Đôn Xuân: 3.292/3.437 hộ; thị trấn Long Thành: 1.323/1.363

⁸ Long Vĩnh: 10 ấp; Long Khánh: 7 ấp; Đông Hải: 7 ấp; Đôn Xuân: 10 ấp; Đôn Châu: 10 ấp; Ngũ Lạc: 10 ấp.

2.4.4 Về môi trường và an toàn thực phẩm:

* Về môi trường:

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế, rác thải sinh hoạt được thu gom nhưng chưa đảm bảo xử lý tập trung, chất thải chăn nuôi còn nhiều trường hợp thải trực tiếp ra môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo, an toàn thực phẩm chưa được chú trọng, mỗi nơi làm một kiểu, chưa có sự thống nhất, do đó năm 2015 chưa có xã đạt tiêu chí môi trường.

Sau khi chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai, công tác bảo vệ môi trường đã được các cấp chính quyền triển khai thực hiện sâu rộng và được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ.

Thời gian qua chính quyền địa phương luôn tập trung làm tốt công tác tuyên truyền vận động đến tất cả các cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Qua kiểm tra, các cơ sở đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đến nay trên địa bàn huyện có 370/370 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng có đăng ký thủ tục môi trường, thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%⁽⁹⁾.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình, đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện, nước thải nuôi trồng thủy sản được xử lý qua ao lắng và dùng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

Trên địa bàn huyện có một (01) làng nghề được công nhận là làng nghề chế biến thủy sản Xóm Đáy tọa lạc tại ấp Định An, xã Đông Hải. Hoạt động chính của làng nghề là sơ chế biến thủy sản, sản phẩm là các loại cá khô, tôm khô, phân ruột... làng nghề có Phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2969/QĐ-UBND tổ chức thực hiện đúng theo quy định.

Về xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh. Theo đó, việc xây dựng cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh trên địa bàn được tăng cường trồng mới phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại trụ sở cơ quan, trường học, các tuyến đường giao thông... Các tuyến đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ và các khu vực công cộng được vệ sinh môi trường thường xuyên sạch sẽ, thông qua các phong trào "*Thứ bảy tình nguyện*", "*Chủ Nhật xanh*" của các xã, thị trấn; phong trào "*5 không 3 sạch*", "*Tuyên đường hoa*" của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, "*Câu lạc bộ bảo vệ môi trường*" của Hội Cựu Chiến binh; 100% số xã đạt chỉ tiêu cảnh quan

⁹ Trong đó, thị trấn Long Thành có 52 cơ sở, 06 xã có 318 cơ sở.

xanh, sạch, đẹp. Trong năm 2021, tổng số lượt người tham gia ra quân dọn dẹp vệ sinh, khơi thông cống rãnh trên 10.146 người, tổng lượng rác thu gom xử lý trên 57,64 tấn, phát hoang bụi rậm, đường giao thông trên 359 km, phát thanh tuyên truyền 58 cuộc, trồng và chăm sóc 176.028 cây xanh. Từ đầu năm 2022 đến nay tổng số lượt người tham gia ra quân dọn dẹp vệ sinh, khơi thông cống rãnh trên 14.394 người, tổng lượng rác thu gom xử lý trên 90,3 tấn, phát hoang bụi rậm, đường giao thông trên 467,85 km, phát thanh tuyên truyền 03 cuộc, trồng và chăm sóc 146.183 cây xanh.

Cơ quan, trường học trên địa bàn các xã nông thôn mới đều đảm bảo xanh - sạch - đẹp và được công nhận cơ quan văn hoá, đạt 100%.

** Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện:*

Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Cụ thể: Đang triển khai thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo Phương án 01/PA-PTNMT ngày 03/01/2022 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 của UBND huyện, bố trí 1.167 thùng rác hiện hữu và 02 xe ô tô chuyên dùng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện.

Với quy mô dân số trên 80.000 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 38,48 tấn/ngày⁽¹⁰⁾ có 02 xe thu gom rác chuyên dùng để thu gom đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, vận chuyển hàng ngày về bãi rác xã Long Hữu thị xã Duyên Hải khoảng 12,1 tấn/ngày để xử lý chôn lấp và bãi rác xã Đông Hải khoảng 10 tấn/ngày để xử lý đốt (khối lượng xử lý đốt khoảng 08 tấn/ngày).

Ngoài ra, rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ tạo phân hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm đến nay có 544 thùng cho 544 hộ (Tương đương khoảng 2.104 người) và phát huy hiệu quả, xử lý rác được khoảng 0,95 tấn/ngày.

Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách ủ phân hữu cơ, đào hố chôn lấp trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với khoảng 7.029 hộ (tương đương khoảng 28.624 người) ước tính khối lượng xử lý khoảng 12,88 tấn/ngày. Do đó, tổng lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom, xử lý khoảng 35,93/38,48 tấn/ngày đạt 93,37% tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

Tình hình tại bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt của huyện: Bãi rác xã Đông Hải được trang bị lò đốt rác công suất 600kg/giờ góp phần xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn 04 xã đảo vận chuyển đến hàng ngày. Thực hiện cải tạo, bãi rác xã Đông Hải, thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học, hoạt chất diệt côn trùng tại các bãi rác.

⁽¹⁰⁾ Trong đó đô thị 5,48 tấn, nông thôn 33,0 tấn; tại các chợ, các trục lộ chính được bố trí thùng rác với 1.167 thùng rác loại 120 lít hiện hữu.

Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, hàng tuần các địa phương tổ chức khơi thông cống rãnh, tạo dòng chảy thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước.

Các xã trên địa bàn huyện đều triển khai cho các ấp thực hiện quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt gắn với Quy ước văn hóa.

** Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện:*

- *Đối với chất thải rắn xây dựng:* Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu; đối với đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng để san lấp mặt bằng.

- *Đối với chất thải rắn nông nghiệp:* Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp có tính tái sử dụng cao thường được tận dụng cho mục đích chăn nuôi và trồng trọt.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn huyện phát sinh khối lượng không đáng kể, được các cơ sở tự thu gom, bán phế liệu.

** Đối với chất thải rắn bao gói thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) sau sử dụng và chất thải rắn y tế*

Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn bao gói thuốc bảo vệ thực vật: Do có chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường nên có tuyên truyền đến nông dân và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Toàn huyện đã bố trí 239 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Hàng năm ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại định kỳ 01 năm/lần để thu gom chất thải nguy hại phát sinh. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể thu gom để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ngoài đồng. Riêng năm 2022, huyện dự kiến tổ chức thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý vào tháng 9, ước khối lượng phát sinh khoảng 1,8 tấn.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế trên địa bàn: Tỷ lệ xử lý đạt 100% đối với chất thải y tế. Theo số liệu thống kê năm 2021, trên địa bàn huyện có tổng cộng 01 Trung tâm Y tế và 07 Trạm y tế:

Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện khoảng 55,0 kg/ngày, chủ yếu là vỏ, bao bì, chai lọ đựng thuốc, vật tư y tế thải sau khi sử dụng không nhiễm thành phần nguy hại. Rác thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện và các Trạm y tế trên địa bàn huyện phát sinh 07 kg/ngày được thực hiện quản lý theo mô hình cụm xử lý tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Theo đó, lượng rác thải y tế phát sinh được

Trung tâm Y tế huyện hợp đồng với bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang để thu gom, xử lý định kỳ 2 ngày/lần.

Tổng lượng nước thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện Duyên Hải là $12,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, trong đó Trung tâm y tế huyện Duyên Hải: $10\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, các Trạm Y tế cấp xã: $2,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Đối với Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có hệ thống xử lý nước thải riêng thu gom và xử lý lượng nước thải y tế phát sinh, không để ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh khu vực trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Đối với các trạm y tế các xã, thị trấn: Hiện nay, do cơ sở y tế tuyến xã chỉ có các hoạt động đơn giản như tiêm phòng, cấp phát thuốc, sơ cứu nên nước thải y tế phát sinh rất ít, do đó hiện tại các trạm y tế xử lý lượng nước thải này bằng hầm tự hoại là chủ yếu.

Thực hiện nề nếp sinh hoạt theo chuẩn văn hóa nông thôn mới đến nay, tỷ lệ hộ có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn huyện là $19.843/20.749$ hộ, đạt 95,63%.

Trong chăn nuôi thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi có ý thức bảo vệ môi trường, phát các tờ rơi hướng dẫn xử lý rác thải trong chăn nuôi cũng như tập huấn phương pháp xây dựng hầm biogas đảm bảo vệ sinh môi trường. Cơ sở chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Luật Thú y. Chuồng trại đảm bảo vệ sinh, chất thải chăn nuôi cơ bản được thu gom xử lý theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Toàn huyện đến nay có $5.494/6.005$ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 91,5%.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm kịp thời quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm như công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 6.858 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát và thực hiện cam kết sản xuất, kinh doanh an toàn theo quy định, đạt 100%. Từ năm 2015 đến nay trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Thực hiện mô hình xử lý rác thải tại nhà (thùng ủ rác) cho các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom vận chuyển rác. Nội dung mô hình: tập huấn về tác hại rác thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại rác tại nguồn cho 885 hộ. Mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 thùng ủ rác với dung tích 160 lít để xử lý rác hữu cơ và 01 sọt rác để chứa rác vô cơ. Đến nay trên địa bàn huyện có $9.844/20.749$ hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn đạt 47,4%.

Nhằm giảm thiểu, hạn chế rác thải nhựa phát sinh huyện thực hiện mô hình giảm thiểu rác thải nhựa. Nội dung: tập huấn về tác hại rác thải nhựa ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại, tái sử dụng, tái chế, xử lý rác tại nguồn cho 1.260 hộ. Mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 giỏ xách nhựa; triển khai 02 mô hình thu gom, xử lý rác thải nhựa cho 02 trường học⁽¹¹⁾. Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh tiếp tục triển khai 04 mô hình thí điểm giảm thiểu và thu gom rác thải nhựa trên địa bàn huyện thuộc Dự án Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Trà Vinh⁽¹²⁾. UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành và địa phương tuyên truyền phổ biến, quán triệt đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện không thả bỏ rác thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao hồ, kênh, rạch, sông, vùng biển. Đến nay, trên địa bàn huyện có 14.235/20.812 hộ thực hiện phân loại, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 68,4%. (Đính kèm phụ lục bảng thống kê kết quả tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm trên địa bàn huyện)

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh và gìn giữ an ninh, trật tự xã hội:

2.5.1 Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh

Trước năm 2015 số lượng cán bộ, công chức cấp xã đủ theo quy định, nhưng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đạt theo tiêu chuẩn theo quy định của bộ nội vụ. Đến nay tổng số cán bộ, công chức của 6/6 xã đều đáp ứng tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn quy định về cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Tổng số cán bộ, công chức cấp xã theo định mức bố trí quy định tại Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 25/10/2020

⁽¹¹⁾ TH Cơ sở Long Vĩnh, TH Ngũ Lạc A với tổng kinh phí 87.500.000 đồng.

⁽¹²⁾ khu vực chợ thị trấn Long Thành, trường THCS Đôn Xuân, trường Tiểu học Đôn Xuân A, Trường Tiểu học Đôn Xuân B và Trường Mầm non Đôn Xuân, qua đó hỗ trợ dụng cụ thực hiện mô hình gồm: **180** thùng rác 120L, **09** Trạm chứa chất thải nhựa 2.400L, **10** Trạm chứa chất thải nhựa 5.000L.

của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định số lượng và bố trí cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh: Năm 2022 được giao: 152 biên chế; hiện có mặt 148/152 cán bộ, công chức (không tính Trưởng Công an chính quy) còn 04 chỉ tiêu chưa thực hiện do sắp xếp công tác cán bộ (Long Khánh, Long Vĩnh, Đông Hải, Ngũ Lạc), Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện công tác tuyển trong năm 2022.

Có 6/6 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định gồm: Đảng bộ, chính quyền; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn. Cuối năm 2021 qua đánh giá có 6/6 xã, các tổ chức chính trị xã hội đều được cơ quan cấp trên công nhận đạt loại tốt trở lên, hàng năm Đảng bộ chính quyền các xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Qua kiểm tra đánh giá cuối năm 2021, có 06/06 xã nông thôn mới đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, được Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định công nhận theo quy định.

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, có 06/06 xã có tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ đạt trên 15%, có quy hoạch lãnh đạo chủ chốt là nữ; 06/06 xã có phụ nữ thuộc diện hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, vốn ngân hàng chính sách.

Có 100% xã ngay từ đầu năm, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân có xây dựng Nghị quyết và Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tỷ lệ dân số trong độ tuổi tham gia tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đạt trên 85%.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 18 về Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

2.5.2 Xây dựng nền quốc phòng - an ninh, trật tự xã hội vững mạnh

Hàng năm Đảng ủy 06 xã đều có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân 06 xã xây dựng Kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh sát với tình hình điều kiện thực tế địa phương.

06/06 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định. Chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng được đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp quân sự trở lên; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đúng Luật, quản lý lực lượng dự bị động viên đảm bảo đúng biên chế, thực hiện nghiêm chế độ trực sản sàng chiến đấu. Các xã đều bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phòng nghỉ cho dân quân trực thường xuyên cũng như khi tập trung trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm trang thiết bị cho dân quân trực đúng theo quy định. Hàng năm, tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi dân quân, phát triển mới và xây dựng lực

lượng dân quân bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Tính đến nay lực lượng dân quân tự vệ toàn huyện đạt 0,98% so với dân số, đảng viên chiếm 29% so với quân số; 100% Chi bộ Quân sự có chi ủy; 100% Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng và ấp đội trưởng là đảng viên. Hàng năm, huyện đều hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ; huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

Ủy ban nhân huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo cho các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo thẩm quyền chức năng nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp cận, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị phản ánh của người dân. Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện được ổn định, không có khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Trên địa bàn huyện, tình hình an ninh trật tự cơ bản được ổn định, không phát sinh vụ việc phức tạp, “điểm nóng” liên quan an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội, tình hình tai nạn giao thông hằng năm đều được kiềm chế, kéo giảm, cụ thể: Tội phạm về trật tự xã hội năm 2018 xảy ra 25 vụ, năm 2019 xảy ra 24 vụ, năm 2020 xảy ra 20 vụ, năm 2021 xảy ra 21 vụ, 06 tháng đầu năm 2022 xảy ra 06 vụ (giảm 03 vụ so với cùng kỳ năm 2021); tai nạn giao thông năm 2018 xảy ra 08 vụ, năm 2019 xảy ra 05 vụ, năm 2020 xảy ra 04 vụ, năm 2021 không xảy ra, 06 tháng đầu năm 2022 xảy ra 02 vụ, đây là các trường hợp bất khả kháng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được củng cố và phát triển tốt; phát huy được sức mạnh của hệ thống chính trị và Nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; các loại mô hình tự quản về ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Hiện trên địa bàn huyện có 10 loại mô hình với 71 Câu lạc bộ bảo đảm về an ninh, trật tự xã hội ở cơ sở và 721 Tổ tự quản, qua đánh giá điều hoạt động tốt phát huy được hiệu quả góp phần kéo giảm tình hình an ninh trật tự ở địa phương.

Huyện Duyên Hải có 06/06 xã được Bộ Công an công nhận Công an xã chính quy; có 06/06 xã được bố trí lực lượng Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã, gồm 34 đồng chí, trong đó Trưởng Công an xã 06 đồng chí, Phó trưởng Công an xã 08 đồng chí và 20 đồng chí Công an viên thường trực; qua tổng kết các mặt công tác 06 tháng đầu năm 2022 của xã, không có cán bộ sai phạm phải bị kỷ luật.

Cuối năm 2021 kiểm tra đánh giá có 60/60 ấp, khóm được công nhận an toàn về an ninh, trật tự và 06/06 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội.

Đánh giá: 06/06 xã đạt tiêu chí số 19 về Giữ vững an ninh, trật tự xã hội theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định

số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện1 được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (Đạt).

3.1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt (≥ 01 công trình).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện1 được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa có quy hoạch xây dựng vùng huyện; chỉ có quy hoạch sử dụng đất đến 2020 - 2030.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Căn cứ nội dung yêu cầu tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021- 2025; Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức xây dựng đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải đến năm 2040 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 06/5/2022.

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Duyên Hải đến năm 2040 đảm bảo các yêu cầu về tính chất pháp lý, kỹ thuật chuyên ngành (như: Luật Xây dựng 2014; Luật Quy hoạch năm 2017; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ,...); đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước ở địa phương; làm cơ sở lập quy hoạch xây dựng các khu chức năng, các quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chung các đô thị thuộc huyện Duyên Hải theo quy định. Đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện còn đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn huyện. Nội dung đề án gồm các thông tin cơ bản sau:

* Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và nông thôn:

+ Đến năm 2030, huyện Duyên Hải gồm: đô thị Long Thành, xã Ngũ Lạc phát triển lên đô thị loại thị V là thị trấn thuộc huyện. Ngoài ra, định hướng phát triển Khu đô thị Long Vĩnh thuộc xã Long Vĩnh (theo định hướng Khu kinh tế Định An) và Khu chức năng hỗn hợp thuộc xã Đông Hải. Đáp ứng quy mô dân số đô thị 51.500 người và hệ thống xã nông thôn đáp ứng cho quy mô dân số 69.000 người.

+ Đến năm 2040, huyện Duyên Hải gồm 02 đô thị: đô thị Long Thành, đô thị Ngũ Lạc; 01 khu đô thị mới - khu đô thị Long Vĩnh; 01 khu chức năng hỗn hợp thuộc xã Đông Hải và 05 xã nông thôn. Đáp ứng quy mô dân số đô thị 78.000 người và dân số nông thôn 75.000 người.

* Định hướng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp theo định hướng phát triển chung của tỉnh và theo quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An, cụ thể:

+ Vùng phía Bắc đường tỉnh 914: Khu vực nằm ngoài Khu kinh tế Định An phát triển theo quy hoạch chung xã; trong đó phần thuộc phạm vi 03 xã (Đôn Châu, Đôn Xuân, Ngũ Lạc) có quy mô diện tích khoảng 5.202,95ha. Vùng này chủ yếu sản xuất rau màu thực phẩm, cây lúa, cây công nghiệp ngắn ngày.

+ Vùng phía Nam đường tỉnh 914: Khu vực phát triển về ngành thủy sản thuộc khu kinh tế Định An với quy mô diện tích khoảng 26.170,44ha. Trong đó, phần thuộc phạm vi 03 xã (Đôn Châu, Đôn Xuân, Ngũ Lạc) phía Bắc kênh Đào phát triển thủy sản nhưng còn ít. Phía Nam kênh Đào gồm 4 đơn vị hành chính là thị trấn Long Thành, các xã Long Vĩnh, Đông Hải và Long Khánh có quy mô diện tích khoảng 21.678,63ha. Là vùng phát triển mạnh về ngành thủy sản, chủ yếu nuôi tôm thâm canh và quảng canh tiên tiến, nuôi cua biển kết hợp với tôm sú, nuôi nghêu, cá và các loài nhuyễn thể khác.

* Định hướng không gian phát triển các khu công nghiệp, kho tàng và khu dịch vụ công nghiệp:

+ Khu vực Bắc kênh đào Trà Vinh: Bố trí 3 khu công nghiệp kèm theo các khu dịch vụ, phụ trợ khác, gồm: Khu công nghiệp Định An: diện tích 591 ha, thuộc xã Đôn Xuân; Khu công nghiệp Đôn Xuân - Đôn Châu: diện tích 934 ha, thuộc xã Đôn Xuân và xã Đôn Châu; Khu công nghiệp Ngũ Lạc: diện tích 936 ha, thuộc xã Ngũ Lạc; Khu dịch vụ công nghiệp: diện tích 305 ha, thuộc xã Ngũ Lạc; Khu kho ngoại quan (logistic): diện tích 101 ha, thuộc xã Đôn Châu.

+ Khu vực Nam kênh đào Trà Vinh: Bố trí khu dự trữ cho phát triển các khu công nghiệp, phục vụ sau năm 2030, gồm: khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Vĩnh có diện tích 1.173 ha, thuộc xã Long Vĩnh; khu dự trữ phát triển công nghiệp Long Khánh có diện tích 993 ha, thuộc xã Long Khánh; Phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo quy mô 100 ha thuộc xã Long Khánh, khai thác hiệu quả lợi thế và tài nguyên của địa phương.

* Định hướng về hạ tầng kỹ thuật:

+ Giao thông:

Phía Bắc có Đường tỉnh 914 với chức năng là tuyến đường vành đai phía Bắc

của khu kinh tế Định An kết nối khu công nghiệp, dịch vụ công nghiệp với các huyện lân cận.

Phía Nam có Quốc lộ 53 là trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị quan trọng chủ đạo và cũng là trục hành lang đô thị hoá, đi qua kênh đào Trà Vinh kết nối với các đô thị khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tuyến đường dọc 2 bên kênh đào Trà Vinh có vai trò là đường trục ngang nối liền hai phía Đông Tây, liên kết các đô thị và các trung tâm chức năng trong khu kinh tế Định An.

Trục không gian ven biển phía Nam kết nối khu vực bảo tồn (rừng phòng hộ) và khu du lịch biển Ba Động thông qua Quốc lộ 53B qua kênh đào Trà Vinh hướng về xã Trường Long Hòa (thị xã Duyên Hải).

Kênh đào Trà Vinh đi tắt từ biển Đông vào sông Hậu tạo điều kiện thuận lợi cho tàu biển trọng tải lớn có thể ra vào các tỉnh dọc Sông Hậu.

Hệ thống giao thông thủy như sông Hậu, sông Mương Thổ, sông Phước Thiện, sông La Bang, sông Bảo Sáu, sông Kênh Xáng, kênh đào Trà Vinh,..

+ Y tế: Nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế hiện hữu (tại thị trấn Long Thành) và nâng cấp Trạm y tế Ngũ Lạc thành Trung tâm Y tế quy mô đạt chuẩn quốc gia; xây dựng mới bệnh viện đa khoa với quy mô là bệnh viện huyện đạt chuẩn hạng 3, đáp ứng phục vụ cho 4 xã đảo. Ngoài ra, bố trí xây dựng mới bệnh viện đa khoa thuộc khu công cộng và dịch vụ đô thị, đáp ứng phục vụ cấp huyện cho toàn huyện Duyên Hải.

+ Chợ: Nâng cấp, mở rộng chợ Ngũ Lạc thành chợ huyện; cải tạo chợ hiện hữu thị trấn Long Thành đáp ứng cho nhu cầu hiện tại. Xây dựng chợ mới cấp Quốc lộ 53B tại thị trấn Long Thành phục vụ cho khu vực phía Nam kênh đào. Bố trí công trình thương mại, siêu thị tại khu công cộng và dịch vụ đô thị.

+ Bến xe: Bố trí 03 bến xe tại thị trấn Ngũ Lạc, khu đô thị Long Vĩnh và thị trấn Long Thành.

+ Hệ thống cấp nước:

Khu vực đô thị: tiếp tục sử dụng các trạm cấp nước hiện hữu, đồng thời xây dựng 02 trạm cấp nước (theo quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An) khai thác nước mặt kết hợp nước ngầm giai đoạn 1 để đảm bảo đáp ứng nhu cầu. Các trạm cấp nước đô thị được nâng công suất trong giai đoạn đến năm 2040.

Khu vực nông thôn: tiếp tục sử dụng các tuyến ống cấp nước hiện hữu, nâng cấp hoặc xây mới thêm đối với các tuyến ống đã xuống cấp và sử dụng nguồn nước từ các giếng khoan.

Khu công nghiệp: xây mới trạm cấp nước riêng cho từng khu công nghiệp để thuận lợi cho việc quản lý, sử dụng nguồn nước độc lập với các khu dân cư. Định hướng mạng lưới cấp nước: tại khu vực đô thị xây dựng các đường ống chính nối với các đường ống hiện hữu tạo mạng vòng dọc theo các tuyến giao thông chính.

+ Hệ thống thoát nước mưa: Hướng thoát theo hướng dốc cục bộ đổ ra sông,

kênh rạch gần nhất trước khi dẫn ra sông Hậu, biển Đông (Khu vực các thị trấn, khu đô thị và các khu công nghiệp bố trí hệ thống thoát nước riêng; Các trung tâm xã bố trí hệ thống thoát nước chung, nước thải sẽ được tách ra tại các giếng tách dòng ở cuối đường công, đưa về trạm xử lý, nước mưa sẽ thải xuống kênh rạch, sông ngòi gần nhất; Khu vực các ấp: sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung).

+ Hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải rắn: Xây mới các trạm xử lý nước thải cho mỗi đô thị (Ngũ Lạc, Long Thành), khu đô thị Long Vĩnh,... sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa; Nước thải công nghiệp: sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa; Khu vực nông thôn: sử dụng hệ thống thoát nước chung cho tất cả các trung tâm xã và điểm dân cư. Xây dựng các tuyến công thoát nước trên các trục đường chính dẫn nước ra kênh rạch gần nhất. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ.

+ Hệ thống thủy lợi: thường xuyên nạo vét để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và kết hợp giao thông thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa.

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện đã tổ chức công bố, công khai trên phương tiện thông tin, tuyên thông theo quy định.

3.1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt (≥ 01 công trình).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt, trong đó có quy hoạch định hướng xây dựng các công trình hạ tầng thiết yếu nhưng chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các công trình theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có 03 công trình đang đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể gồm:

- Bến xe huyện Duyên Hải: Dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 6049/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải:

+ Địa điểm xây dựng: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải.

+ Qui mô: 9.000m² (diện tích xây dựng 6.000 m²).

+ Kinh phí đầu tư: 19.000 triệu đồng.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Duyên Hải: Dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 6044/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải;

+ Địa điểm: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải.

+ Qui mô: 962m²

+ Kinh phí xây dựng: 14.900 triệu đồng.

- Chợ huyện Duyên Hải: Dự án đầu tư xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND huyện Duyên Hải.

+ Địa điểm xây dựng: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải.

+ Qui mô: 14.865m².

+ Kinh phí xây dựng: 50.000 triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm (Đạt).

3.2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch (100%).

3.2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường ($\geq 50\%$).

2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có 223 tuyến đường giao thông nông thôn kết nối đến trung tâm các xã, thị trấn, với chiều dài 461,5 km (có 02 tuyến Quốc lộ 53, 53B, chiều dài 32,815 km; 02 tuyến Đường tỉnh 914, Đường tỉnh 911, chiều dài 18,60 km); có 66 cầu giao thông được đầu tư kiên cố, tải trọng phù hợp cấp đường theo quy hoạch. Tuy nhiên, tuyến Quốc lộ 53B xuống cấp nghiêm trọng, nhiều ổ gà, nền đường khá hẹp do mới nâng cấp từ Hương lộ thành Quốc lộ.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đầu năm 2022, tỉnh đã đầu tư dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 53B với bề rộng mặt đường 7,0 m, nền đường 9,0m đã khắc phục được tình trạng ổ gà, tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa.

Huyện có 100% số xã, thị trấn có đường ô tô kết nối với Trung tâm hành chính xã; Đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT với tổng chiều dài 149,9/158,425km, đạt 94,4%; Có 139,3/163,9km đường ngõ xóm được cứng hóa đảm bảo đạt cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT, đạt 85%. Không còn tình trạng đường lầy lội vào mùa mưa; Có 69,01/85,1km đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT, đạt trên 81,1%.

Các tuyến đường giao thông hàng năm đều được khảo sát, duy tu, bảo trì hàng năm theo quy định.

3.2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch (100%).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chỉ có 01 tuyến đường huyện (Hương lộ 21), chiều dài 2,655 km tiếp giáp xã Thanh Hòa Sơn (huyện Cầu Ngang). Trên tuyến có nhiều điểm xuống cấp, ổ gà, ngập cục bộ do thiếu hệ thống thoát nước mưa.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2021 - 2022, Sở Giao thông - Vận tải đã đầu tư cải tạo, nâng cấp nền đường, xây dựng vỉa hè và hệ thống cống thoát nước Hương lộ 21. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện, xã Ngũ Lạc tổ chức trồng cây phân tán và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng trên toàn tuyến Hương lộ 21. Đến nay, tuyến đường huyện đảm bảo đạt chuẩn theo quy hoạch (đạt 100%).

3.2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường ($\geq 50\%$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Hương lộ 21 là đường huyện thuộc xã Ngũ Lạc kết nối xã Thanh Hòa Sơn (huyện Cầu Ngang), chiều dài 2,655km, mặt đường rộng 4m được nhựa hóa 100%. Dọc taluy đường được trồng cây xanh với chủng loại là cây dầu con rái, cây bụi tạp như tre, cỏ,... gây mất an toàn giao thông và cảnh quang môi trường.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có 01 tuyến đường huyện (Hương lộ 21) với chiều dài 2,655 km. Hiện nay, tuyến đường đã được trồng 1.000 cây xanh với các chủng loại như dầu con rái, hoa hoàng yến, bằng lăng, đảm bảo sáng – xanh – sạch đẹp (đạt 100%).

Kinh phí đầu tư:

3.2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa có chợ huyện, do mới chia tách điều chỉnh địa giới hành chính.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, để đảm bảo nội dung tiêu chí huyện nông thôn mới, UBND huyện đã lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng bến xe huyện Duyên Hải (tại Quyết định số 6049/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải) gồm các thông tin cơ bản sau:

+ Địa điểm xây dựng: xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải.

+ Qui mô: 9.000m² (diện tích xây dựng 6.000 m²).

+ Cấp công trình: Cấp IV.

+ Khả năng vận chuyển/trung chuyển: tấn hàng hóa/năm; lượt hành

khách/năm.

Bến xe huyện được thẩm định đạt tiêu chuẩn loại IV theo quy định.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch (Đạt).

3.3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Năm 2015, sau khi sáp nhập địa giới hành chính theo Nghị quyết 934 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, qua rà soát, thống kê hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện gồm có kênh cấp I, kênh cấp II, kênh cấp III. Trong đó, có hơn 80% các tuyến kênh liên ấp, liên xã, liên huyện cơ bản đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp (2.700ha đất lúa), thủy sản (9.200ha nuôi thủy sản) tại địa phương. Tuy nhiên, do nguồn lực còn hạn chế nên việc đầu tư cải tạo, nâng cấp các tuyến kênh bồi lắng chưa kịp thời, nhất là các tuyến kênh cấp III trong nội đồng còn tình trạng một số khu vực còn thiếu nước cục bộ vào mùa khô và ngập úng vào mùa mưa, gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp; hệ thống kênh cấp I, cấp II chưa đồng bộ, chưa khép kín nên còn tình trạng xâm nhập mặn gây thiệt hại sản xuất nông nghiệp (năm 2016 và năm 2019 làm thiệt hại 2.000ha lúa với tỷ lệ 100%); một số tuyến kênh cấp II, cấp III còn lợ bình (bèo tây) phát triển chưa được vớt, xử lý thông thoáng.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện hiện tại bao gồm: 01 tuyến kênh cấp I (kênh 3/2, chiều dài 4,4km), 06 tuyến kênh cấp II (kênh Thầy Nại, kênh Lạc Sơn – Thị Ròn, kênh Năm Nhất và các tuyến kênh trong khu đê bao 773, tổng chiều dài 32,283km) do tỉnh quản lý và 99 kênh cấp III (119km) do huyện quản lý theo phân cấp.

Từ năm 2020-2022, các tuyến kênh cấp I, cấp II trên địa bàn huyện đã được Sở Nông nghiệp và PTNT đầu tư nạo vét, cải tạo khép kín đạt 100%, phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản (đặc biệt là kênh 3/2, ngoài việc đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất, dân sinh trong vùng, còn phải đảm bảo nguồn nước ngọt phục vụ nhà máy nhiệt điện Duyên Hải trên địa bàn thị xã Duyên Hải).

Các tuyến kênh cấp III do huyện quản lý hàng năm đều được tổ chức nạo vét luân phiên, trực vớt lợ bình thông thoáng, đảm bảo yêu cầu tưới, tiêu nước sản xuất

nông nghiệp, thủy sản theo yêu cầu của các địa phương.

Ngoài ra, huyện đang phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT huyện đang triển khai thực hiện 02 dự án: Nạo vét 18 tuyến kênh phục vụ sản xuất (đoạn qua huyện Duyên Hải); Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh (công Sa Rày, công Đôn Châu, công Thị Ròn). Dự kiến công trình hoàn thành trong năm 2023.

Việc vận hành, quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn huyện được quan tâm chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả tốt theo phân cấp quản lý, cụ thể như:

- Xí nghiệp Thủy nông Duyên Hải: Có trụ sở đặt tại ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu; thực hiện việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thủy lợi liên xã, bao gồm công La Bang (điểm cuối tuyến kênh 3/2), tuyến kênh cấp II và các khu đê bao thuộc dự án 773.

- Ủy ban nhân dân huyện: Quản lý, vận hành, khai thác các công trình thủy lợi cấp III theo phân cấp quản lý.

Các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi có xây dựng quy chế, phương án, kế hoạch, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch, báo cáo hoạt động theo quy định.

3.3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Những năm qua, tình hình thiên tai trên địa bàn huyện diễn biến khá phức tạp, mức độ ảnh hưởng tuy chưa lớn nhưng cũng gây không ít thiệt hại đến đời sống và sản xuất của người dân. Các loại hình thiên tai thường xảy ra bao gồm: triều cường, sạt lở đất bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn, giông lốc xoáy, gió mạnh trên biển.

Hoạt động phòng, chống, ứng phó thiên tai được chỉ đạo thực hiện từ huyện đến cơ sở, bao gồm việc thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thiên tai, tập huấn, thành lập các Đội xung kích, vận động Quỹ Phòng, chống thiên tai và mua sắm trang thiết bị PCTT theo quy định.

Tuy nhiên, từ sau bão số 5 (1997) đến nay, địa phương chưa có ảnh hưởng trực tiếp do bão, áp thấp nhiệt đới, chỉ có các hình thái thiên tai khác, mức độ rủi ro thiên tai ở cấp 1 là chủ yếu, nên trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân có tâm lý chủ quan, xem nhẹ công tác chủ động phòng, chống và ứng phó thiên tai.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có thành lập, kiện toàn Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định, gồm 40 thành viên do Chủ tịch UBND huyện là Trưởng ban và các thành viên là thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ban chỉ huy có xây dựng quy chế hoạt động; có Quyết định thành lập Văn phòng Ban chỉ huy và phân công thành viên Ban chỉ huy phụ trách địa bàn.

Có 100% thành viên Ban chỉ huy cấp huyện được tham gia các khóa tập huấn

nghiệp vụ, chuyên môn về công tác phòng, chống thiên tai do cơ quan cấp trên thông báo triệu tập. Qua đó, Ban chỉ huy cũng thường xuyên nắm tình hình, hướng dẫn Ban chỉ huy cơ sở các công tác liên quan về phòng chống thiên tai như xây dựng kế hoạch, phương án, bảo dưỡng trang thiết bị. Năm 2021-2022, đã phối hợp tổ chức 14 lớp tập huấn trang bị kiến thức, kỹ năng cho Đội xung kích phòng chống thiên tai tại các xã, thị trấn, có 800 lượt đội viên dự; tổ chức diễn tập tại 5 xã Đông Hải về phòng chống thiên tai.

Huyện đã phê duyệt, ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025, cụ thể hóa sơ đồ, bản đồ kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai theo cấp độ rủi ro hàng năm theo quy định của Luật Phòng chống thiên tai.

Hàng năm, huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn rà soát, đề xuất nhu cầu trang bị phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo quy định. Tính đến nay, huyện đã tiếp nhận, mua sắm và cấp phát đến UBND các xã, thị trấn là 205 phao áo cứu sinh, 395 phao tròn cứu sinh, 06 bè cứu sinh, 02 chiếc bộ đàm từ nguồn dự trữ quốc gia và trang bị khác như áo mưa, đèn pin, thang, máy cưa, loa tay. Các trang bị, thiết bị được bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo 100% hoạt động tốt khi cần thiết huy động.

Huyện Duyên Hải là địa phương xung yếu khi có các tình huống thiên tai, đặc biệt ở cấp độ 3 trở lên như bão, áp thấp nhiệt đới, triều cường. Do đó, huyện đã tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương, tỉnh để đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ phòng chống thiên tai, cụ thể đã hoàn thành các công trình như: Đê Hải Thành Hòa được nhựa hóa mặt đê chiều dài trên 20km; Kè bảo vệ đoạn xung yếu áp Cồn Nhàn, xã Đông Hải giai đoạn 1 và giai đoạn 2 (chiều dài 780m); đang tiến hành thi công tuyến kè dọc Luồng tàu cho tàu trọng có tải lớn vào sông Hậu (chiều dài 18km) và đường dân sinh chiều dài 4,4km. Các công trình đảm bảo quy hoạch, thiết kế, tiêu chuẩn và công tác phòng chống thiên tai tại chỗ theo quy định.

Bên cạnh đó, hoạt động truyền thông, truyền tin được huyện quan tâm tập trung chỉ đạo rà soát, duy tu, bảo dưỡng thường xuyên như tổ chức trực ban nghiêm túc theo quy định, loa đài tổ chức lắp đặt đến tận 100% ấp, khóm, đặc biệt là hệ thống trạm thu phát sóng điện thoại được phủ sóng 100%; có 100% trụ sở ấp, khóm có hệ thống truyền hình trực tuyến, đảm bảo việc hội, họp khi có yêu cầu.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Cuối năm 2015 huyện Duyên Hải có 172,838 km trung thế (116,976 km 1 pha;

55,862 km 3 pha); 306 km hạ thế (Điện lực: 242,887 km; Điện nông thôn: 63,155 km) tổng số máy biến áp là 373 trạm và toàn huyện có 19.580 hộ sử dụng điện (17.851 hộ sử dụng điện an toàn, 1.729 hộ sử dụng điện không an toàn), đạt 97,04% tổng số hộ toàn huyện. Lưới điện trung hạ thế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, chủ yếu là Trạm biến áp nhỏ 01 pha. Tuyến 22kv chủ yếu chạy dọc theo tuyến chính, đi trên cột bê tông ly tâm tiết diện dây nhỏ. Trước thực trạng nêu trên, huyện đã tranh thủ các nguồn lực cùng với ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện đến tất cả các xã, ấp và gắn điện kế cho các hộ dân trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng, nhằm phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Toàn huyện có tổng số hộ sử dụng điện là 20.735/20.818, đạt tỷ lệ 99,60%; số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn có 20.641/20.735 đạt 99,55%.

Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, ấp với tổng số có 250,983 km đường dây trung thế và 640,646 km đường dây hạ thế và 753 trạm biến áp với 64.760,5 kVA. Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và phục vụ sản xuất của nhân dân. Các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; được lấp đất nổi đất lấp lại cho dây trung tính, nổi đất vỏ thiết bị; có đầy đủ biển báo an toàn. Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học. Cột điện, kết cấu, hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 3 về Điện theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.5. Tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn (Đạt).

3.5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (Đạt).

3.5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ($\geq 60\%$).

3.5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (Cấp độ 1).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có quy hoạch xây dựng Trung tâm Y tế huyện, nhưng do nguồn kinh phí hạn chế nên việc đầu tư chậm, chưa đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực 4 xã đảo.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải được xây dựng hoàn thành đưa vào hoạt động khám chữa bệnh tháng 4/2021, với vi mô 50 giường.

Tổng số nhân lực tại Trung tâm là 82 nhân viên trong đó 72 viên chức (23 bác sĩ, 20 điều dưỡng, 6 dược sĩ và 4 nữ hộ sinh, 29 nhân viên khác) và 10 nhân viên hợp đồng theo Nghị định 161.

Hàng năm, Trung tâm Y tế huyện thực hiện khám chữa bệnh ngoại trú 19.500 lượt người/năm và hơn 1.500 lượt người điều trị nội trú.

Năm 2022, Trung tâm Y tế huyện được kiểm tra, thẩm định và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế.

3.5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có quy hoạch xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thể thao, nhưng chưa có kinh phí đầu tư xây dựng đạt tiêu chí theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022, huyện lập dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện và được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3554/QĐ-UBND ngày 28/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, diện tích sử dụng 15.445 m², kinh phí đầu tư 40 tỷ đồng.

Công trình thuộc cấp công trình dân dụng cấp III, gồm các hạng mục:

- Nhà làm việc và hội trường, quy mô 01 trệt, 1 lầu với diện tích sàn 1.189,6m²; hệ thống cấp điện, chiếu sáng, phòng cháy chữa cháy;...

- Nhà thi đấu thể thao với diện tích xây dựng 1.926,3m², cùng với hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy;..

- Hàng rào, cổng, chiều dài 358,65m.

- Sân đường lát gạch, cây xanh, thảm cỏ và hệ thống thoát nước với tổng diện tích 12.187,52m².

- Vía hè diện tích 1.458,84m².

- Lối vào diện tích 129,5m².

- Hệ thống điện chiếu sáng, cấp nước, phòng cháy chữa cháy ngoài nhà,...

Kinh phí đầu tư xây dựng 40.000 triệu đồng.

Cùng với công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao huyện, UBND huyện đã đầu tư xây dựng sân vận động huyện (được phê duyệt tại Quyết định số 6052/QĐ-

UBND ngày 22/12/2021 của UBND huyện Duyên Hải), quy mô 10.619m², kinh phí đầu tư 10 tỷ đồng; xây dựng quảng trường huyện Duyên Hải (được phê duyệt tại Quyết định số 6052/QĐ-UBND ngày 30/10/2021 của UBND huyện Duyên Hải) với quy mô hơn 5.300m², kinh phí đầu tư 13,5 tỷ đồng. Các công trình hoàn thành thu hút sự tham gia vui chơi, luyện tập thường xuyên của hơn 1.000 lượt người/năm. Đồng thời là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao quy mô cấp xã, cấp huyện đã góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng và hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới theo quy định.

3.5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên ($\geq 60\%$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có 2 trường bậc học Trung học phổ thông: Trung học phổ thông Long Khánh, giải quyết nhu cầu học tập cho học sinh thuộc 4 xã đảo và Trung học phổ thông Đôn Châu, phục vụ nhu cầu học tập cho học sinh các 3 xã Đôn Châu, Đôn Xuân, Ngũ Lạc và các địa phương lân cận. Các trường từng bước đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực và các điều kiện cần thiết để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022, Trung học phổ thông: Trung học phổ thông Long Khánh và Trung học phổ thông Đôn Châu đã hoàn thiện về cơ sở vật chất, đáp ứng điều kiện và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ 1, đạt 100% theo tiêu chí huyện nông thôn mới quy định.

3.5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục (Cấp độ 1).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa có thành lập Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục do mới chia tách, sáp nhập địa giới hành chính.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được thành lập theo Quyết định số 1543/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện. Trụ sở Trung tâm đặt tại ấp Cây Xoài, xã Ngũ Lạc. Hiện tại Trung tâm có .../15 biên chế làm việc, Trung tâm có ban hành đề án vị trí việc làm, quy chế hoạt động và cơ cấu tổ chức theo quy định. Trung tâm đang đề xuất phân bổ, tuyển dụng thêm biên chế đảm bảo hoạt động.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa – Giáo dục theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.6. Tiêu chí số 6 về Kinh tế

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn (Đạt).

3.6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Đạt).

3.6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện (Đạt).

3.6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa có hình thành khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp, hoặc cụm ngành nghề nông thôn. Tuy nhiên, huyện Duyên Hải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Định An đến năm 2030 tại Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2010.

Khu kinh tế Định An có diện tích tự nhiên là 39.020 ha, bao gồm các xã và ấp ở phía Nam đường tỉnh 914 thuộc hai huyện Trà Cú và Duyên Hải. Cụ thể gồm: xã Định An và các ấp phía Tây quốc lộ 53 và các xã phía Nam đường tỉnh 914 của xã Hàm Tân và Đại An; các ấp phía Nam đường tỉnh 914 thuộc các xã Đôn Châu, Đôn Xuân (huyện Trà Cú); các ấp của xã Ngũ Lạc, Trường Long Hòa, toàn bộ xã Long Vĩnh, Long Khánh, Đông Hải, Dân Thành, Long Toàn và thị trấn Duyên Hải thuộc huyện Duyên Hải. Trong đó, giai đoạn 1 đến năm 2020 có diện tích 15.403 ha, bao gồm một phần phía Nam đường tỉnh 914, phía Bắc và phía Đông kênh Quan Chánh Bó, gồm xã Định An, các cấp phía Tây quốc lộ 53 và Nam đường tỉnh 914 thuộc các xã: Đôn Châu, Đôn Xuân (huyện Trà Cú), các ấp phía Nam đường tỉnh 914 thuộc các xã Ngũ Lạc, Dân Thành, Long Toàn, Trường Long Hòa và thị trấn Duyên Hải (huyện Duyên Hải).

Sau điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, huyện Duyên Hải có 21.927 ha đất nằm trong quy hoạch khu kinh tế Định An, với các khu chức năng như khu công nghiệp, khu dịch vụ công nghiệp, khu kho ngoại quan (logistic), khu dự trữ phát triển công nghiệp,.... Hiện tại các khu chức năng trên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch. Chủ đầu tư (Ban quản lý Khu kinh tế) đã tham mưu UBND tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc (305 ha) nhằm tạo động lực cho việc kêu gọi các nhà đầu tư tìm năng đầu tư vào KKT Định An, cũng như tạo tiền đề cho việc kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư vào các khu công nghiệp xung quanh như: KCN Ngũ Lạc (936 ha), Định An (591 ha), Đôn Xuân – Đôn Châu (934 ha)...

Đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Định An được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 05/9/2011. Đến nay tỉnh đã đầu tư và đưa vào sử dụng tuyến đường số 02 và cầu C16 (chiều dài 3,4 km) là tuyến kết nối trực tiếp với tuyến đường số 01 đến Tỉnh lộ 914 đi qua các Khu công nghiệp Ngũ Lạc, Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc, Trung tâm hành chính huyện Duyên Hải, Khu dịch vụ giải trí hồ nước ngọt kết nối liên thông tuyến đường trong khu kinh tế với ngoài khu kinh tế thông qua Tỉnh lộ 914 và Quốc lộ 53. Triển khai thực hiện dự án Tuyến số 05 KKT Định An (giai đoạn 1), với chiều dài 8,3km, khi đưa vào sử dụng sẽ kết nối với tuyến đường số 01 và tuyến đường số 02 kết nối xung quanh toàn bộ Khu công nghiệp Ngũ Lạc, Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc đến Tỉnh lộ 914 và Quốc lộ 53 đảm bảo nhu cầu giao thông cho việc phát triển khu công nghiệp và dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện trạng hạ tầng giao thông khu kinh tế Định An đã được đầu tư tuyến đường số 01, đường số 2 và đang tiếp tục thi công tuyến số 5 theo quy hoạch. Huyện đã có quy hoạch Khu dịch vụ công nghiệp Ngũ Lạc (305 ha) là khu dịch vụ công nghiệp - đô thị trung tâm, hiện đại, thông minh; Khu công nghiệp Ngũ Lạc (936 ha) là khu công nghiệp trọng điểm, tập trung đóng vai trò chủ đạo trong phát triển Khu kinh tế Định An - các dự án đang trình phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí nguồn lực để đầu tư xây dựng.

Mặt khác, giai đoạn 2022-2025 huyện tranh thủ các nguồn lực đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng hệ thống các tuyến đường thiết yếu quan trọng kỹ thuật, các tuyến đường huyện, giao thông nông thôn gắn với nâng cấp tải trọng các tuyến đường nội địa phục vụ Khu kinh tế, cụ thể là các dự án mang tính cấp thiết: tuyến đường số 04 đoạn từ N24 đến nút N30 KKT Định An; Dự án tuyến đường trục chính dọc theo kênh đào Trà Vinh; đường giao thông đấu nối nhà máy điện mặt trời Long Vĩnh – Long Khánh,...

3.6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa có chợ cấp huyện, do huyện mới chia tách, nhập địa giới hành chính và đang trong quá trình kiến thiết xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Chợ huyện Duyên Hải được đầu tư xây dựng mới tại xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải (trên cơ sở đầu tư nâng cấp chợ xã Ngũ Lạc) với qui mô xây dựng là 14.865m². Kinh phí xây dựng 50.000 triệu đồng.

Chợ được sắp xếp hợp lý, sạch đẹp, bao gồm các hạng mục như: nhà lồng chợ, kios kinh doanh, khu xử lý nước thải, rác thải, cấp – thoát nước, khu vệ sinh, sân chợ, đường nội bộ, hệ thống điện và phòng cháy, chữa cháy,... Chợ đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định.

3.6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản

xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện Duyên Hải là huyện thuần nông, đối tượng cây trồng, con nuôi chủ lực của địa phương được xác định là tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua, lúa, bò. Vùng sản xuất các đối tượng đã cơ bản được xác định và từng bước được quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất (như khu nuôi tôm công nghiệp Đôn Xuân – Đôn Châu, quy mô 100ha; khu nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh – Dự án 1A, quy mô 350ha; khu nuôi tôm công nghiệp La Ghi – xã Long Vĩnh, quy mô 100ha; khu nuôi tôm Đường Liễu – xã Ngũ Lạc, quy mô 100ha; khu sản xuất lúa – rau màu tại xã Đôn Xuân, quy mô 100ha và vùng sản xuất luân canh 2 vụ lúa – 1 vụ rau màu tại xã Ngũ Lạc). Tuy nhiên, do nguồn lực đầu tư lớn, tập quán canh tác của nông dân chậm đổi mới, nhất là việc sản xuất nhỏ lẻ, tự phát, phân tán, sản phẩm xuất bán dạng thô là chủ yếu, thiếu liên kết nên hiệu quả sản xuất chưa cao và phát triển kém bền vững.

Bên cạnh đó, huyện có 14 hợp tác xã nông nghiệp với hơn 1.000 thành viên nhưng chất lượng hoạt động thấp, chỉ hoạt động cầm chừng, số lượng thành viên ít, vốn góp còn hạn chế, khả năng quản trị kém, chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh, cũng như thực hiện vai trò liên kết việc cung ứng vật tư đầu vào và tiêu sản phẩm cho trong, ngoài thành viên hợp tác xã tại địa phương. Huyện chưa có sản phẩm được công nhận đạt chuẩn sản phẩm OCOP.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện xác định nông nghiệp tiếp tục là lĩnh vực kinh tế quan trọng trong giai đoạn 2020 - 2025. Trong những năm qua, cũng như trong bối cảnh mới hiện nay. Để cụ thể hóa các mục tiêu trên, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững huyện Duyên Hải, trong đó đã đề ra giải pháp trọng tâm là phải tập trung đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tăng năng suất, tăng giá trị, hiệu quả - xem đây là giải pháp then chốt, có tính đột phá trong kế hoạch phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

Đến nay (cuối năm 2021), các vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện đã hình thành và hoạt động sản xuất từng bước đạt được những kết quả quan trọng, nổi bật như:

+ Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh mật độ cao: Huyện có 644 hộ nuôi với 173ha mặt nước ao nuôi (tăng 46 lần so năm 2017) gồm 1.337 ao nuôi, tập trung trong các khu nuôi tôm đã được đầu tư về hạ tầng sản xuất. Năng suất bình quân 40 tấn/ha/vụ nuôi (gấp 6 lần so với hình thức nuôi truyền thống). Tỷ lệ hộ nuôi thành công đạt từ 75-90%. Sản lượng tôm nuôi theo hình thức này được 11.730 tấn, chiếm 79% sản lượng tôm toàn huyện và được liên kết thu mua đảm bảo luôn được thông suốt, không có tình trạng ùn ứ. Tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất đạt trên 90%. Giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 1.500 lao động/năm với mức thu nhập từ 7 triệu đồng/tháng. Hiện nay, trên địa bàn có 10 hộ nuôi tôm thâm canh mật độ cao đang thực hiện mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP (hộ: Trần Văn Tài, Nguyễn

Văn Miên, Nguyễn Thanh Phương – xã Long Vĩnh; hộ: Ngô Hồng Lạc, Trần Thị Bến, Nguyễn Anh Hoàng – xã Long Khánh; hộ: Trần Văn Triệu, Trần Thanh Khoa, Trần Thái Long – xã Đôn Xuân; hộ: Hồ Ngọc Thanh Vân – xã Đôn Châu).

+ Nuôi tôm sú theo hình thức quảng canh cải tiến kết hợp trồng và bảo vệ rừng: Có 5.520 hộ nuôi với diện tích 8.500ha mặt nước. Sản lượng thu hoạch 3.100 tấn. Hiện nay, huyện đang phối hợp triển khai thực hiện dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long (Dự án ICRSL) với hợp phần chứng nhận tôm sinh thái đạt chuẩn Organic EU tại 02 xã Long Khánh, xã Đông Hải với quy mô vùng nuôi 4.500ha. Chủ thể tham gia liên kết tiêu thụ sản phẩm là Công ty Cổ phần thủy sản Cửu Long và Công ty Thái Hòa (dự kiến thẩm định cấp chứng nhận trong năm 2022).

Giá trị sản xuất đạt 303 triệu đồng/năm, tăng 73 triệu đồng/ha so với năm 2020.

Bên cạnh đó, thực hiện Công văn 2870/BNN-HTQT ngày 18/5/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đề xuất chủ trương đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện đã phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh đã thực hiện xong việc khảo sát, lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT triển khai Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (vốn vay ADB) tại Công văn số 4061/TB-BNN-VP ngày 30/6/2021. Dự kiến dự án nuôi tôm có quy mô 750ha (khu vực La Ghi – Vàm Rạch Cỏ, xã Long Vĩnh, quy mô 500ha; khu vực Nông trường Giồng Sọ, xã Đông Hải, quy mô 250ha). Kinh phí đầu tư ước tính khoảng 343.000 triệu đồng.

+ Cây lúa: Hình thành vùng chuyên canh sản xuất lúa – màu tập trung tại ấp Bà Giam A, Bà Giam B (thuộc xã Đôn Xuân), ấp Ba Sát (thuộc xã Đôn Châu), quy mô 100ha/xã; ấp Bồn Thanh, ấp Sóc Ruộng, Thốt Lốt – xã Ngũ Lạc quy mô 350ha. Chủng loại cây trồng chủ lực là lúa, đậu phộng, ớt.

Giá trị sản xuất bình quân trên đất trồng trọt 133 triệu đồng/ha/năm, tăng 36 triệu đồng/ha so với năm 2020.

Hiện nay, huyện đang tập trung xây dựng vùng sản xuất lúa tập trung đạt chuẩn VietGAP tại ấp Ba Sát (xã Đôn Châu), quy mô 100ha gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm với hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Ngũ Lạc để chế biến gạo thành phẩm và đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Nhằm hỗ trợ nông dân thực hiện nhanh, hiệu quả việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhất là trên đất lúa kém hiệu quả sang trồng rau màu, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo ngành chuyên môn tuyên truyền, vận động nông dân tổ chức sản xuất kết hợp việc hỗ trợ chính sách theo Nghị quyết 03/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025. Kết quả đến nay đã hỗ trợ 30 hộ xây dựng nhà lưới để trồng rau an toàn, kinh phí trên 1.000 triệu đồng; chuyển đổi 100ha đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng đậu phộng, trồng bắp, trồng ớt.

+ Bò: Huyện hiện có 13.574 con bò, chủ yếu là bò nuôi sinh sản, tập trung tại 3

xã Ngũ Lạc, Đôn Châu, Đôn Xuân. Công tác chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật được nông dân quan tâm thực hiện. Khảo sát cho thấy có 80% bê con sinh ra đều là con lai thuộc giống bò kem Pháp (tên gọi khác là bò Charolais). Tỷ lệ tiêm phòng vaccine VDNC đạt 90% tổng đàn hiện có.

Về hoạt động sản xuất liên kết đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương, huyện đang có chuỗi ngành hàng rau (ớt chỉ thiên), màu (cây đậu phộng), thủy sản (tôm thẻ chân trắng) thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị thông qua hợp tác xã (hợp tác xã nông nghiệp Long Khánh, hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Ngũ Lạc). Sản lượng tôm thẻ chân trắng tiêu thụ thông qua liên kết đạt khoảng 5.000 tấn/năm (chiếm 30% sản lượng toàn huyện); ớt chỉ thiên 500 tấn (chiếm 40%); đậu phộng 1.000 tấn (chiếm 70%). Sản lượng còn lại được thu mua qua mối lái trong và ngoài địa phương. Huyện không có tình trạng hàng hóa ứ ứ, tồn đọng, phải giải cứu.

Về kinh tế trang trại, huyện có 1.000 hộ đảm bảo tiêu chí trang trại theo quy định tại Thông tư 02/202 ngày 28/02/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (650 trang trại thủy sản, 5 trang trại chăn nuôi và 25 trang trại trồng trọt). Các trang trại hoạt động hiệu quả từ 3 năm trở lên chiếm 80%, giải quyết việc làm thường xuyên cho hơn 1.500 lao động nông thôn với mức thu nhập ổn định từ 7 triệu đồng/tháng.

Về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP), năm 2022, huyện có 01 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sản phẩm OCOP 3 sao (kẹo đậu phộng). Đến nay, huyện có được 3 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP (tôm khô, khô cá khoai, kẹo đậu phộng). Dự kiến cuối năm 2022 đề xuất, đánh giá thêm 06 sản phẩm tiềm năng (mắm cá mè gà, mắm cua gạch, mắm ba khía, mắm tép, củ hành tím, hột vịt muối).

Nhìn chung, qua thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại địa phương, trong nhận thức của cán bộ, đảng viên, nông dân đã có sự chuyển biến tích cực, thay đổi từ tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự phát sang phát triển sản xuất hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị với cơ cấu cây trồng/con nuôi hợp lý, thích ứng trong điều kiện biến đổi khí hậu và đảm bảo an toàn về dịch bệnh, vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường,... đã góp phần quan trọng để hoàn thành tiêu chí xã, huyện nông thôn mới theo quy định.

3.6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện chưa Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp. Hoạt động khuyến nông, khuyến ngư trên địa bàn được thực hiện bởi lực lượng công chức, viên chức của phòng nông nghiệp và PTNT huyện, các Trạm thuộc các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện được thành lập theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ nông nghiệp (Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công

lập, được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông, Trạm Thủy sản vùng 1 trực thuộc các đơn vị: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trung tâm Khuyến nông, Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh. Hiện tại Trung tâm có 5/15 biên chế làm việc, Trung tâm có ban hành đề án vị trí việc làm, quy chế hoạt động và cơ cấu tổ chức theo quy định. Trung tâm đang đề xuất phân bổ, tuyển dụng thêm biên chế đảm bảo hoạt động.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 6 về Kinh tế theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh (Đạt).

3.7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 40\%$).

3.7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥ 01 mô hình).

3.7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (≥ 01 công trình).

3.7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu (Đạt).

3.7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 2m^2/người$).

3.7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 50\%$).

3.7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (100%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Các nội dung thuộc tiêu chí Môi trường xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, thời gian qua cấp ủy, chính quyền và nhân dân trên địa bàn huyện đặc biệt quan tâm tổ chức thực hiện, nhất là theo tinh thần Chỉ thị 15 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, trước biến đổi khí hậu, yêu cầu của cuộc sống, sản xuất, kinh doanh vấn đề môi trường ở một số địa phương còn phát sinh những hạn chế, rác thải sinh hoạt thu gom xử lý chưa đảm bảo, chất thải

chăn nuôi còn nhiều trường hợp thải trực tiếp ra môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo, an toàn thực phẩm chưa được quan tâm đúng mức.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

- *Tình hình ban hành và thực hiện đề án thu gom, quản lý chất thải rắn*: Huyện Duyên Hải thực hiện thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt đúng theo Phương án 01/PA-PTNMT ngày 03/01/2022 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án thu gom và vận chuyển rác thải bằng xe chở rác chuyên dùng trên địa bàn huyện năm 2022. Theo phương án được phê duyệt, rác thải phát sinh trên địa bàn các xã Long Khánh, Long Vĩnh, Đông Hải và thị trấn Long Thành (xã đảo) được thu gom vận chuyển về bãi rác xã Đông Hải; rác thải tại các xã Ngũ Lạc, Đôn Châu và Đôn Xuân được thu gom vận chuyển về bãi rác xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải. Tần suất thu gom 1 lần/ngày. (Kèm theo Phương án, Quyết định).

- *Về công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với CTR sinh hoạt*:

Với quy mô dân số trên 80.000 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 38,48 tấn/ngày⁽¹³⁾ có 02 xe chuyên dụng thu gom rác chuyên dùng để thu gom, vận chuyển hàng ngày về bãi rác xã Long Hữu thị xã Duyên Hải khoảng 12,1 tấn/ngày để xử lý chôn lấp và bãi rác xã Đông Hải khoảng 10 tấn/ngày để xử lý đốt (khối lượng xử lý đốt khoảng 08 tấn/ngày).

Ngoài ra, rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ tạo phân hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm đến nay có 544 thùng cho 544 hộ (Tương đương khoảng 2.104 người), xử lý rác được khoảng 0,95 tấn/ngày.

Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách ủ phân hữu cơ, đào hố chôn lấp trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với khoảng 7.029 hộ (tương đương khoảng 28.624 người) ước tính khối lượng xử lý khoảng 12,88 tấn/ngày. Do đó, tổng lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom, xử lý khoảng 35,93 tấn/ngày, đạt 93,37% tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

Khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ là 21,83 tấn/ngày; khối lượng rác thải chôn lấp trực tiếp 16,65 tấn/ngày, so với số lượng phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 38,48 tấn/ngày, do đó tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ 43,27% tổng lượng phát sinh.

- *Về tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định*:

Trên địa bàn huyện không bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Rác thải rắn sinh hoạt được xe chuyên dùng thu gom từ thùng rác đã được bố trí trên địa bàn vận chuyển trực tiếp về các bãi rác để xử lý.

⁽¹³⁾ Trong đó đô thị 5,48 tấn, nông thôn 33,0 tấn; tại các chợ, các trục lộ chính được bố trí thùng rác với 1.167 thùng rác loại 120 lít hiện hữu

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:*

Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp có tính tái sử dụng cao thường được tận dụng cho mục đích chăn nuôi và trồng trọt. Các hộ dân, chủ cơ sở tự thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp như: rơm rạ dùng máy cuộn thành cục làm thức ăn cho gia súc, trồng hoa màu các loại, thân cây Đậu phộng và một số loại cây hoa màu khác được tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc dùng máy cày, xới pha trộn vào đất tạo thành phân hữu cơ tạo độ phì nhiêu cho đất.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện:*

Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu. Chất thải rắn trong xây dựng được các hộ dân, các tổ chức, cá nhân tận dụng dùng san lấp mặt bằng, tôn cao nền nhà...

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại (bao bì thuốc BVTV) trên địa bàn:*

Bao gói thuốc bảo vệ thực vật do có chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường nên có tuyên truyền đến nông dân và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Toàn huyện đã bố trí 239 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Hàng năm ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại định kỳ 01 năm/lần để thu gom chất thải nguy hại phát sinh. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể thu gom để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ngoài đồng. Riêng năm 2022, huyện dự kiến tổ chức thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý vào tháng 9, ước khối lượng phát sinh khoảng 1,8 tấn.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải y tế trên địa bàn:*

Tỷ lệ xử lý đạt 100% đối với chất thải y tế. Theo số liệu thống kê năm 2021, trên địa bàn huyện có tổng cộng 01 Trung tâm Y tế và 07 Trạm y tế:

+ Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện khoảng 55,0 kg/ngày, chủ yếu là vỏ, bao bì, chai lọ đựng thuốc, vật tư y tế thải sau khi sử dụng không nhiễm thành phần nguy hại. Rác thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện và các Trạm y tế trên địa bàn huyện phát sinh 07 kg/ngày được thực hiện quản lý theo mô hình cụm xử lý tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Theo đó, lượng rác thải y tế phát sinh được Trung tâm Y tế huyện hợp đồng với bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang để thu gom, xử lý định kỳ 2 ngày/lần. *(đính kèm hợp đồng)*

+ Tổng lượng nước thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện Duyên Hải là 12,5m³/ngày đêm, trong đó Trung tâm y tế huyện Duyên Hải: 10m³/ngày đêm, các Trạm Y tế cấp xã: 2,5m³/ngày đêm.

+ Đối với Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có hệ thống xử lý nước thải riêng thu gom và xử lý lượng nước thải y tế phát sinh, không để ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh khu vực trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Đối với các trạm y tế các xã/thị trấn: Hiện nay, do cơ sở y tế tuyến xã chỉ có các hoạt động đơn giản như tiêm phòng, cấp phát thuốc, sơ cứu nên nước thải y tế

phát sinh rất ít, do đó hiện tại các trạm y tế xử lý lượng nước thải này bằng hầm tự hoại là chủ yếu.

- *Tình hình tại các bãi chôn lấp rác của huyện:*

+ Bãi rác xã Long Vĩnh: Có diện tích 3.700 m² đã ngưng tiếp nhận rác từ năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện đóng bãi rác xã Long Vĩnh theo quy định. Đến nay, huyện đã thực hiện thủ tục đấu thầu lựa chọn đơn vị thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh tại chỗ lượng rác cũ tồn đọng và thực hiện quy trình đóng bãi, bảo vệ môi trường cho bãi rác xã Long Vĩnh.

+ Bãi rác xã Đông Hải: Có diện tích 24.880,8m², diện tích sử dụng 5.885m², lượng rác tiếp nhận 10 tấn/ngày. Bãi rác xã Đông Hải có đầu tư lò đốt rác thải rắn sinh hoạt, đã được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 2152/QĐ-UBND ngày 06/5/2020. Kết quả thực hiện giám sát môi trường bãi rác năm 2021 cho thấy các chỉ tiêu giám sát đạt theo quy định.

Năm 2022, thực hiện di dời, gom gọn và che đậy rác thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm và cải tạo cảnh quan môi trường tại bãi rác xã Đông Hải. Đồng thời, thực hiện trồng 800 cây Tràm Bông Vàng xung quanh bãi rác và 200 cây Bằng Lăng đường vào bãi rác xã Đông Hải.

- *Tình hình Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:*

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đặt hàng Công ty TNHH MTV An Bình TV (Công ty) quản lý, vận hành lò đốt rác tại bãi rác xã Đông Hải, đồng thời bàn giao tài sản đã trang bị cho Công ty quản lý, vận hành. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của Công ty thông qua hệ thống camera giám sát và kiểm tra trực tiếp. Kết quả kiểm tra giám sát cho thấy công tác xử lý rác thải sinh hoạt đạt khá tốt, đến tháng 06/2022 xử lý được 1.329,7 tấn rác thải.

* *Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp:*

Hạn chế xử lý CTR sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp bằng cách tăng cường thực hiện: tận dụng tối đa lượng chất thải để tái sử dụng, tái chế (làm phân compost...); tự xử lý tại hộ gia đình thành phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; tăng cường xử lý CTR sinh hoạt bằng phương pháp đốt tại lò đốt. Hiện nay, khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ là 21,83 tấn/ngày; khối lượng rác thải chôn lấp trực tiếp 16,65 tấn/ngày, so với số lượng phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 38,48 tấn/ngày, do đó tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ 43,27% tổng lượng phát sinh.

* *Khối lượng thực hiện:* so với năm 2015, năm 2022 việc thu gom và xử lý chất thải rắn đã có nhiều chuyển biến tích cực, cảnh quan môi trường đã được cải thiện, đường, ngõ Xanh - Sạch - Đẹp và ý thức người dân cũng được nâng lên.

Nhìn chung, qua các phòng trào thi đua xây dựng nông thôn mới, công tác tuyên truyền được tập trung nên việc thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, cảnh quan môi trường đã được cải thiện, đường, ngõ xanh – sạch – đẹp và ý thức người dân cũng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu ngày càng tốt hơn tiêu chí nông thôn mới đề ra.

3.7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ($\geq 40\%$).

- *Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Huyện có 20.812 hộ gia đình, chủ yếu sống trong khu vực nông thôn tham gia sản xuất nông nghiệp, nuôi thủy sản. Việc phân loại, xử lý chất thải rắn ngay tại nguồn được các địa phương tuyên truyền, vận động thường xuyên và đã đạt được những kết quả nhất định như việc tách rác vô cơ để bỏ vào thùng rác để xe đến thu gom xử lý, rác hữu cơ ủ làm phân bón phục vụ trồng màu, hoa kiểng, trồng cỏ, hoặc đốt,... Tuy nhiên, số hộ thực hiện rất ít, dưới 5%, chủ yếu là các hộ làm mô hình của đoàn thể để phổ biến, nhân rộng.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện mô hình xử lý rác thải tại hộ gia đình (thùng ủ rác): Năm 2018 đến năm 2021, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã triển khai thực hiện mô hình xử lý rác thải tại hộ gia đình trên địa bàn các xã Đông Hải, Long Khánh, Ngũ Lạc, Long Vĩnh, với 365 hộ tham gia⁽¹⁴⁾. Năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường tiếp tục đầu tư nhân rộng 179 thùng ủ rác dung tích 160 lít để xử lý rác hữu cơ và 179 sọt để chứa rác tại xã Đôn Xuân, Đôn Châu, với 179 hộ tham gia. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn huyện đầu tư 544 thùng ủ rác và 544 sọt rác để chứa rác vô cơ. Đến nay trên địa bàn huyện có 9.844/20.812 hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn đạt 47,3%.

*Qua các năm thực hiện và triển khai mô hình đến nay không chỉ riêng mỗi hộ gia đình đã được triển khai tập huấn đã tự thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn mà trên địa bàn các xã đã được triển khai cũng thực hiện tốt mô hình trên và lan tỏa ra các xã còn lại. (Đính kèm Bảng tổng hợp số hộ gia đình thực hiện phân loại CTR tại nguồn trên địa bàn huyện).

3.7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên (≥ 01 mô hình).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Vấn đề ô nhiễm môi trường trên địa bàn từ việc quản lý chất thải hữu cơ trong sinh hoạt, hoạt động sản xuất nông nghiệp tuy đã được cấp ủy, chính quyền thường xuyên tuyên truyền, vận động, cảnh báo nhưng chưa được quan tâm đúng mức nên đã ảnh hưởng xấu đến môi trường sống, sức khỏe và kinh tế của nhiều người dân. Có khoảng 80% lượng rác thải, chất thải, trong đó có chất thải hữu cơ, phụ phẩm phát sinh trong sản xuất nông nghiệp được người dân thu gom, chôn lấp, đốt bỏ, số còn lại được tái chế dưới hình thức ủ làm phân bón cho cây trồng. Huyện đã xây dựng các được các mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp để tạo nguồn phân bón sạch tại chỗ cho cây trồng, hoặc nuôi giun phục vụ chăn nuôi, giảm chi phí trong sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các dịch bệnh từ rác thải gây ra, tạo cảnh quan môi trường - xanh - sạch - đẹp nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, phân tán theo hộ gia đình.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

⁽¹⁴⁾ Nội dung: tập huấn về tác hại rác thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại rác tại nguồn cho 365 hộ. Mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 thùng ủ rác với dung tích 160 lít để xử lý rác hữu cơ và 01 sọt rác để chứa rác tái chế, rác vô cơ.

Với mục đích nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân nông thôn liên quan trong bảo vệ môi trường nói chung, giữ gìn môi trường sống nói riêng; hạn chế phát thải khối lượng rác thải, đặc biệt là rác hữu cơ, kể cả phế thải hữu cơ trong nông nghiệp, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phối hợp Trường Đại học Trà Vinh xây dựng dự án thực hiện mô hình mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thí điểm để nhân rộng. Mô hình được thực hiện tại ấp Rọ Say, ấp Bồn Thanh (xã Ngũ Lạc), do Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ vận động 50 thành viên tham gia thực hiện. Hộ dân thu gom chất thải hữu cơ bao gồm rác thải, cây đậu, rom rạ mục, ... dự án hỗ trợ men vi sinh, mật rỉ đường, vôi bột, sơ dừa để ủ phân hữu cơ phục vụ trồng cỏ, rau màu, ớt, đậu phộng. Mô hình đang tiếp tục được phổ biến nhân rộng tại địa phương. Hướng tới, hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Ngũ Lạc dự kiến xây dựng khu tái chế, xử lý chất thải hữu cơ tạo thành sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh, đóng gói phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương và thị trường.

3.7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp (≥ 01 công trình).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Nước thải sinh hoạt được sinh ra từ hoạt động hàng ngày của con người như: tắm giặt, ăn uống, vệ sinh... nhất là tại các khu dân cư tập trung như chợ, làng nghề, trường học, ngày càng gia tăng; có trên 80% lượng nước thải sinh hoạt trong các khu dân cư tập trung xả trực tiếp ra hệ thống cống thoát nước chung rồi chảy thẳng ra sông, hồ, kênh, rạch mà không qua xử lý. Lượng nước thải tích tụ ngày càng nhiều, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến chất lượng đời sống và sức khỏe của con người, sinh vật. Mặc dù, cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp có tích cực vận động, tuyên truyền người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống chung, nhất là việc xây dựng hầm, bể xử lý nước thải sinh hoạt ngay tại hộ gia đình, nhưng kết quả còn nhiều hạn chế.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, hàng tuần các địa phương tổ chức khơi thông cống rãnh, tạo dòng chảy thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước. Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Huyện có 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 50 m³/ngày đêm đã được vận hành, đáp ứng yêu cầu về BVMT theo đúng quy định (*Công trình xử lý nước thải Trung tâm Y Tế huyện Duyên Hải*).

Huyện Duyên Hải thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng chưa đảm bảo, trong đó việc thu gom xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày được hộ gia đình, cơ quan, doanh nghiệp tự thu gom xử lý. Trên địa bàn huyện chưa có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có công suất từ 200m³/ngày đêm trở lên và đi vào hoạt động ổn định 1 năm trở lên. Tuy nhiên, theo Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Đề án quy hoạch

xây dựng vùng huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh trên địa bàn huyện Duyên Hải định hướng xây mới 03 trạm xử lý nước thải cho đô thị (Ngũ Lạc, Long Thành), khu đô thị Long Vĩnh.

Thực hiện Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. UBND huyện Duyên Hải phê duyệt kế hoạch năm 2023 đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày đêm (giai đoạn 1) trên địa bàn thị trấn Long Thành. Đồng thời, định hướng đến năm 2025 hoàn thành xây dựng trạm xử lý nước thải cho đô thị Ngũ Lạc; đến năm 2030 xây dựng trạm xử lý nước thải cho khu đô thị Long Vĩnh.

3.7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện Duyên Hải hiện chưa có hình thành khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp. Huyện có Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy (xã Đông Hải), được công nhận tại Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Làng nghề có 340 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực khai thác thủy sản như chế biến khô, mắm, ruốc,...Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã Đông Hải phối hợp các ngành huyện, tỉnh có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động các chủ cơ sở thực hiện cam kết chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định. Tuy nhiên, việc chấp hành của nhiều cơ sở vẫn chưa thực hiện tốt, còn tình trạng để nước thải chảy tràn vào hệ thống thoát nước, khu lưu chứa sản phẩm chưa đảm bảo vệ sinh, còn mùi hôi. Việc bố trí trồng cây xanh, tạo cảnh quang môi trường trong làng nghề còn ít, thiếu đồng bộ.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện Duyên Hải theo hiện trạng vị trí quy hoạch các khu công nghiệp trong khu kinh tế Định An-TV trên địa bàn xã Ngũ Lạc là nhà ở và khu nuôi trồng thủy sản của người dân. Do đó, công tác bảo vệ môi trường được người dân thực thu gom xử lý.

Trên địa bàn huyện có một (01) làng nghề được công nhận là làng nghề chế biến thủy sản Xóm Đáy tọa lạc tại ấp Định An, xã Đông Hải. Hoạt động chính của làng nghề là sơ chế biến thủy sản, sản phẩm là các loại cá khô, tôm khô, phân ruốt... làng nghề có Phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 2969/QĐ-UBND tổ chức thực hiện đúng theo quy định.

Công tác bảo vệ môi trường tại làng nghề được thực hiện với hình thức tự quản. Tổ tự quản bảo vệ môi trường Làng nghề sơ chế biến thủy sản Xóm Đáy được Ủy ban nhân dân xã Đông Hải thành lập tại Quyết định số 215/QĐ-UND và Tổ tự quản có xây dựng và hoạt động quy chế.

Làng nghề đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề. Chưa xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu gom, xử lý nước thải cho toàn bộ làng nghề, hiện tại nước thải sản xuất của các cơ sở, hộ gia đình tại làng nghề được các cơ sở, hộ gia đình tự xây dựng hệ thống xử lý

nước thải riêng cho từng cơ sở.

Làng nghề không bố trí điểm tập kết rác thải. Rác thải phát sinh tại làng nghề được thu gom trực tiếp vào thùng đựng rác đã được bố trí và được xe chuyên dùng thu gom vận chuyển rác theo Phương án 01/PA-PTNMT ngày 03/01/2022 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 của UBND huyện. Đến nay, khu vực làng nghề bố trí 46 thùng chứa rác và xe chuyên dùng thu gom vận chuyển rác hàng ngày về bãi rác xã Đông Hải xử lý.

Xã tranh thủ nguồn đầu tư của ngành có liên quan, ngân sách địa phương, đóng góp của người dân, đã tổ chức trồng hơn 1.000 cây xanh phân tán, 500 cây hoa các loại tại 100% các tuyến đường nội bộ, vỉa hè, tạo cảnh quang môi trường xanh trong làng nghề.

3.7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($\geq 2\text{m}^2/\text{người}$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới theo quy định, trong đó có bố trí quỹ đất để trồng cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. Tuy nhiên, do nguồn lực đầu tư còn hạn chế nên việc đầu tư dự án chậm được triển khai thực hiện như quảng trường văn hóa huyện, các khu vui chơi cho người lớn và trẻ con, chỉ có 14 điểm chùa của người dân tộc Khmer được cộng đồng người dân tộc triển khai trồng, chăm sóc cây xanh.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện có 7/7 đơn vị hành chính có bố trí quỹ đất, xây dựng khu vui chơi công cộng được trồng cây xanh (gồm: bằng lăng, sao, dầu, sưa đỏ và một số loài hoa than thảo) với tổng diện tích hơn 7.500 m²; có 14 điểm chùa là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân tộc Khmer, được trồng cây xanh thân gỗ lớn như dầu, sao, bằng lăng tím với tổng diện tích 210.000 m²; có quảng trường văn hóa được bố trí 12.500 m² để trồng cây xanh. Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư toàn huyện khoảng 230.000 m², bình quân đạt 2,93m²/người.

3.7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ($\geq 50\%$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Trước khi thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn chưa được thu gom, tái sử dụng, tái chế. Rác thải nhựa còn thải bỏ bừa bãi theo các tuyến lộ, kênh rạch gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thực hiện Công văn số 766-CV/TV ngày 03/10/2019 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Công văn số 2141/STNMT-QLMT ngày 05/8/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ trên địa bàn tỉnh; UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện cam kết không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, các sản phẩm khó phân hủy đến cán bộ, đảng viên tích cực và đi đầu trong việc giảm thiểu chất thải nhựa; hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần. Đến nay, các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện tốt theo chỉ đạo.

Năm 2019, huyện kết hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện thực hiện mô hình giảm thiểu rác thải nhựa. Nội dung: tập huấn về tác hại rác thải nhựa ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại rác tại nguồn cho 1.260 hộ. Mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 giỏ xách nhựa.

Đồng thời, thực hiện mô hình xử lý rác thải tại nhà, tuyên truyền pháp luật bảo vệ môi trường hàng năm trên địa bàn huyện, đến nay, trên địa bàn huyện đã tổ chức được 12 cuộc tập huấn, tuyên truyền cho hơn 8.500 người.

Huyện Duyên Hải không có các điểm du lịch hoạt động nên không có phát sinh chất thải nhựa phát sinh từ các hoạt động du lịch; Rác thải nuôi trồng và khai thác thủy sản được các cơ sở, hộ cá nhân tự phân loại xử lý (chôn lấp, bán phế liệu...), hiện chưa có đơn vị có chức năng tái chế và xử lý trên địa bàn, chủ yếu bán phế liệu chuyển đến các địa phương khác có cơ sở tái chế.

UBND huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành và địa phương tuyên truyền phổ biến, quán triệt đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện không thải bỏ rác thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao hồ, kênh, rạch, sông, vùng biển. Đến nay, trên địa bàn huyện có 14.235/20.812 hộ thực hiện phân loại, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 68,4%.

3.7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định (100%).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện không có điểm tập kết hoặc trung chuyển chất thải rắn. Chất thải rắn được xe chuyên dụng thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý, riêng rác thải sinh hoạt được thu gom nhưng chưa đảm bảo xử lý tập trung, chất thải chăn nuôi còn nhiều trường hợp thải trực tiếp ra môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn huyện không bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt từ hộ dân, các chợ, cơ quan, doanh nghiệp phát sinh được thu gom vào thùng đựng rác đã bố trí theo các tuyến lộ chính, các chợ, khu đông dân cư trên địa bàn huyện, đến nay đã bố trí được 1.167 thùng đựng rác đảm bảo thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại các khu vực chợ, khu đông dân cư, tuyến đường chính trên địa bàn huyện.

Thực hiện Phương án 01/PA-PTNMT ngày 03/01/2022 và Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03/01/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt phương án thu gom và vận chuyển rác thải bằng xe chở rác chuyên dùng trên địa bàn huyện năm 2022, rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn các xã Long Khánh, Long Vĩnh, Đông Hải và thị trấn Long Thành (xã đảo) được thu gom vận chuyển về bãi rác xã Đông

Hải; rác thải tại các xã Ngũ Lạc, Đôn Châu và Đôn Xuân được thu gom vận chuyển và bãi rác xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải. Tần suất thu gom 1 lần/ngày đúng theo phương án được phê duyệt.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.8. Tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 50\%$).

3.8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ($\geq 50\%$).

3.8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (Đạt).

3.8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (Đạt).

3.8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ($\geq 50\%$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều được xây dựng nhà máy cấp nước sạch và hệ thống đường ống cấp nước theo quy hoạch. Ngoài ra, các hộ gia đình, nhất là ở 4 xã đảo còn đầu tư xây dựng giếng khoan để cấp nước sinh hoạt (bình quân 1 giếng/hộ). Tuy nhiên, do các công trình được xây dựng đã lâu, xuống cấp, dân cư ngày càng đông nên nhiều nơi áp lực nước yếu, hệ thống đường ống chưa đảm bảo, chất lượng nước chưa kiểm soát tốt. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung đạt 38,5%.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường đã đầu tư mở rộng thêm quy mô Trạm cấp nước xã Ngũ Lạc và hơn 20.000m đường ống cấp nước tại các xã, thị trấn với kinh phí đầu tư hơn 14.000 triệu đồng. Đến nay, huyện có 17.078 hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ các công trình cấp nước, chiếm 82,31% số hộ toàn huyện. Trong đó: công trình cấp nước tập trung có 11.313 hộ, chiếm 54,52%; công trình cấp nước nhỏ lẻ 5.765 hộ, chiếm 27,78%. Số lượng nước tiêu thụ bình quân đầu người/ngày đêm là 80 lít. Bên cạnh đó, các hộ dân còn sử dụng nước uống đóng chai đạt quy chuẩn được sản xuất trong và ngoài địa phương.

3.8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt

động bền vững ($\geq 50\%$).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện đã tranh thủ các nguồn vốn từ các nguồn vốn ngân sách, chương trình, dự án đầu tư xây dựng 7 công trình cấp nước sạch tập trung và hệ thống đường ống cấp nước sạch tại các xã, thị trấn. Nhưng do năng lực quản lý còn hạn chế, tỷ lệ hộ đăng ký sử dụng nước sạch đạt thấp nên nguồn kinh phí thu được từ hoạt động cấp nước chưa đảm bảo cho hoạt động quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng mở rộng công trình gặp nhiều khó khăn.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn huyện hiện nay có 7 công trình cấp nước sạch tập trung do Trung tâm nước quản lý, vận hành, khai thác, cung cấp nước có chất lượng nước đạt theo quy chuẩn của Bộ Y tế. Khả năng cấp nước luôn được đảm bảo ổn định thường xuyên phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân (bình quân 80 lít/người/ngày đêm. Tiền nước thu được đảm bảo theo các quy định của pháp luật và đủ chi trả cho các hoạt động hành chính, duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình. Đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình cấp nước được bố trí có trình độ, chuyên môn, năng lực phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của công trình. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt 100% (7/7 công trình).

3.8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện (Đạt).

Trên địa bàn huyện còn tuyến kênh, mương, bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn là kênh Chợ cũ tại thị trấn Long Thành chiều dài 300m cần được nạo vét, phát quang cây bụi, thu gom rác thải đảm bảo khả năng thoát nước

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án cải tạo, phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Huyện Duyên Hải có một (01) tuyến kênh hạn chế khả năng thoát nước là kênh Chợ cũ tại thị trấn Long Thành chiều dài 300m cần được nạo vét, phát quang cây bụi, thu gom rác thải đảm bảo khả năng thoát nước. Đến nay, đã thực hiện thu gom rác thải, phát quang cây bụi, lấp đặt đường cống thoát nước chiều dài 300m đảm bảo khả năng thoát nước theo quy định.

Kế thừa kết quả thống kê, đánh giá chất lượng nước mặt tại huyện Duyên Hải theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt đề án cải tạo phục hồi các tuyến kênh, mương, đoạn sông đang bị ô nhiễm, suy thoái môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Huyện tiếp tục rà soát thực trạng của các tuyến kênh, đoạn sông, rạch trên địa bàn, kết quả đến nay trên địa bàn huyện không có tuyến kênh, đoạn sông, rạch bị ô nhiễm, các tuyến kênh, đoạn sông, rạch luôn đảm bảo cho mục đích sử dụng nước mặt của các sông, kênh, rạch.

Đồng thời, để đánh giá cụ thể chất lượng nước, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt các tuyến kênh, đoạn sông, rạch trên địa bàn huyện, Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định giao đơn vị có chức năng thực hiện thống kê các

nguồn thải vào các nguồn nước mặt, lấy mẫu phân tích chất lượng nước toàn bộ các tuyến kênh, đoạn sông, rạch trên địa bàn huyện, xây dựng kế hoạch kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện để quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

3.8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế, rác thải sinh hoạt chưa được thu gom xử lý tập trung, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo, an toàn thực phẩm chưa được chú trọng

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

** Đối với hệ thống cây xanh*

Thời gian qua, huyện luôn quan tâm tổ chức thực hiện việc xây dựng cảnh quan, môi trường Xanh – Sạch – Đẹp. Đến nay, huyện đã đầu tư, xây dựng 08 tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp với chiều dài 28,3 km trên địa bàn xã Đôn Xuân, Đông Hải, Long Khánh, Long Vĩnh và thị trấn Long Thành. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn có thường xuyên duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường. Tuyên truyền vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; về quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, an toàn giao thông; nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Nếp sống văn minh”, “Chung sức xây dựng nông thôn mới”. Vận động người dân cất tĩa cây xanh đảm bảo tuyến đường thông thoáng. Phát quang bụi rậm, làm hàng rào, cột cờ, đèn thấp sáng tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Đồng thời, bố trí thùng rác trên các tuyến đường chính, khu vực đông dân cư và vận động người dân bỏ rác đúng quy định.

Năm 2022, thực hiện trồng mới và bổ sung các tuyến đường hoa, tuyến đường Xanh – Sạch – Đẹp trên địa bàn huyện gồm: Tỉnh lộ 914 từ giáp thị xã Duyên Hải đến giáp ranh huyện Trà Cú, Quốc lộ 53 từ phà Kênh Tắc đến phà Láng Sắt, Quốc lộ 53B từ Cầu Ba Vinh đến giao Quốc lộ 53, với chiều dài 47,2 km.

** Đối với hệ thống ao, hồ sinh thái, sông, kênh, rạch:* Trên địa bàn huyện không có các ao hồ sinh thái, chỉ có các đoạn sông, kênh, rạch phục vụ cho mục đích tưới tiêu, nuôi trồng thủy sản. Qua rà soát đến nay, các đoạn sông, kênh, rạch trên địa bàn huyện không có mùi hôi thối, không ứ đọng rác thải.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn có thường xuyên duy trì các hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức ra quân vớt lục bình, dọn tại các tuyến kênh để đảm bảo thông thoáng dòng chảy.

** Đối với đường làng ngõ xóm*

- Tổ chức thu dọn vệ sinh, rác thải định kỳ hàng tuần, thường xuyên tuyên

truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang hàng rào bằng cây xanh. Các tuyến đường đã được bê tông hóa, đảm bảo không lầy lội khi có mưa.

- Các tuyến đường thông thoáng, không lấn chiếm lòng lề đường và không xả rác bừa bãi không đúng quy định.

** Đối với khu vực công cộng*

- Các khu vực công cộng (chợ, đường giao thông, công viên, khu vui chơi, giải trí, bến phà...) không có hiện tượng xả nước thải, CTR không đúng quy định, gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Đối với khuôn viên trụ sở UBND xã, trạm y tế, trường học và nhà văn hóa được chỉnh trang, vệ sinh sạch sẽ, trồng cây xanh, cây hoa phù hợp cảnh quan và có nước sinh hoạt theo quy định; nhà vệ sinh có nước sinh hoạt sử dụng, được vệ sinh thường xuyên đảm bảo không có mùi hôi.

- Đã xây dựng quy ước về bảo vệ môi trường các ấp đã được UBND huyện phê duyệt theo quy định và niêm yết công khai tại trụ sở UBND các ấp.

Đính kèm: Quyết định của UBND cấp huyện phê duyệt Quy ước về BVMT, Quy định/quy chế về giữ gìn vệ sinh, BVMT nơi công cộng; kế hoạch vệ sinh môi trường định kỳ, Báo cáo đánh giá, chấm điểm, xếp loại thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU và Kế hoạch 01/KH-UBND của huyện và Văn bản về quy hoạch có liên quan.

3.8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (100%).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có thành lập Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, từng lúc, từng nơi việc tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm của các chủ thể sản xuất kinh doanh chưa nghiêm túc; công tác kiểm tra, giám sát chưa được thực hiện thường xuyên, phối hợp chưa đồng bộ, địa bàn huyện tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, ngộ độc thực phẩm, nhất là tại các chợ, trường học.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện có xây dựng các kế hoạch, ban hành văn bản để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương về an toàn thực phẩm như công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Mặt khác, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được tăng cường chỉ đạo và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Hiện nay, huyện có 6.858/6.858 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát và cam kết tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định, đạt 100%. Từ năm 2015 đến nay trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3.9. Tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí:

3.9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Đạt).

3.9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%).

3.9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Không).

3.9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự (Đạt).

3.9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

3.9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (Đạt).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

3.9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Đảng bộ luôn quan tâm xây dựng, củng cố nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Tuy nhiên, cũng còn một vài Đảng bộ cơ sở, chi bộ ngành chưa thật sự chuyển biến, còn tình trạng đảng viên có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, thiếu gương mẫu trong các phong trào tại địa phương, nhất là phong trào thi đua xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022, Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, vượt chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội được giao và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét, công nhận là đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022.

3.9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (100%).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Huyện có đủ các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định; hoạt động của các tổ chức được củng cố, tăng cường và ngày càng thực chất, hiệu quả. Tuy nhiên, một vài tổ chức hoạt động còn hạn chế, như Đoàn thanh niên tập hợp lực lượng và tham gia các phong trào gặp khó khăn do những nguyên nhân chủ quan, lẫn khách quan, tình trạng thanh niên đi làm ăn xa còn nhiều, còn tham gia các tệ nạn xã hội; đời sống của một bộ phận hội viên còn khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng do chi phí đầu vào cho sản xuất tăng cao.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2022, các tổ chức chính trị - xã hội huyện được hội cấp trên công nhận đạt chất lượng tốt hoàn thành nhiệm vụ trở lên, cụ thể như:

- Hội Nông dân: đạt xuất sắc.
- Hội Liên hiệp Phụ nữ: đạt xuất sắc
- Hội Cựu chiến binh: đạt xuất sắc
- Huyện Đoàn: đạt tốt.
- Liên đoàn Lao động: đạt xuất sắc

3.9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Không).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Tổng chỉ tiêu biên chế huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm đều chưa đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao: Năm 2021-2022 huyện được giao tổng chỉ tiêu biên chế công chức là 78 người, nhưng hiện chỉ có 72 người, còn 6 chỉ tiêu chưa thực hiện được (1 chỉ tiêu chờ tỉnh tổ chức sát hạch và 5 chỉ tiêu chờ tỉnh tổ chức thi tuyển). Huyện chưa có trường hợp công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đến cuối năm 2022, huyện có 72 biên chế công chức; trong đó có 26 biên chế công chức đang giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Kết quả rà soát từ năm 2021 – 2022, huyện không có trường hợp công chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3.9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện ổn định. Trật tự an toàn xã hội ở nông thôn hàng năm tuy được kéo giảm đáng kể nhưng vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ, diễn biến phức tạp, nhất là nạn đá gà, đánh bạc, ma túy; hoạt động của các tổ tự quản còn hạn chế, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc có lúc, có nơi chưa đạt yêu cầu; việc triển khai thực hiện bố trí lực lượng công an chính quy về cơ sở gặp khó ở một số địa phương.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Huyện ủy, UBND huyện có ban hành nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh Tổ quốc, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và xây dựng lực lượng Công an nhân dân theo quy định.

Một số kết quả thực hiện nổi bật:

Trên địa bàn tình hình trật tự an toàn xã hội được ổn định, không phát sinh vụ việc phức tạp, điểm nóng liên quan an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tình hình tội phạm về trật tự xã hội, tình hình tai nạn giao thông hàng năm đều được kiềm chế, kéo giảm, cụ thể: Tội phạm về trật tự xã hội năm 2018 xảy ra 28 vụ, năm 2019 xảy ra 24 vụ, năm 2020 xảy ra 20 vụ, năm 2021 xảy ra 21 vụ, 06 tháng đầu năm 2022 xảy ra 06 vụ (so với 06 tháng đầu năm 2021 giảm 03 vụ); tình hình tai nạn giao thông: Năm

2018 xảy ra 08 vụ, năm 2019 xảy ra 05 vụ, năm 2020 xảy ra 04 vụ, năm 2021 không xảy ra, 06 tháng đầu năm 2022 xảy ra 02 vụ - đây là các trường hợp bất khả kháng.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được củng cố và phát triển; các mô hình tự quản về an ninh trật tự, tổ tự quản hoạt động rộng khắp và đạt kết quả tốt. Huyện hiện có 10 mô hình tổ tự quản an ninh trật tự với 71 câu lạc bộ quần chúng tự quản và 721 tổ tự quản.

Bên cạnh đó, huyện cũng thực hiện tốt Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã theo chỉ đạo của Bộ Công an. Đến nay huyện có 6/6 xã được bố trí Công an chính quy (đạt 100%) với 34 đồng chí (6 Trưởng công an, 8 phó Trưởng công an và 20 công an viên). Năm 2022, huyện không có cán bộ, chiến sỹ trong ngành Công an vi phạm, bị xử lý kỷ luật.

3.9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Sau khi chia tách địa giới hành chính theo Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13, ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, các hoạt động dịch vụ công được chỉ đạo tổ chức thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, kết quả còn hạn chế chưa đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp do hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, năng lực xử lý công việc của công chức thuộc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả còn hạn chế, lung tung.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo các quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, kết quả Ủy ban nhân dân huyện đã công bố 21 lĩnh vực với 135 thủ tục hành chính được triển khai áp dụng vào Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và niêm yết công khai trên Trang Thông tin điện tử của huyện và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện để các tổ chức, cá nhân tra cứu, khai thác thực hiện theo yêu cầu quy định về hồ sơ, thủ tục hành chính.

Năm 2019, với quan điểm công khai, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh công bố chính thức vận hành và áp dụng Hệ thống Một cửa điện tử (iGate) - Cổng dịch vụ công của tỉnh (Tại địa chỉ: <http://dichvucong.travinh.gov.vn>) và Chính phủ khai trương Cổng Dịch vụ công Quốc gia (Tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>) nhằm kết nối, cung cấp thông tin về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến; hỗ trợ thực hiện, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên toàn quốc. Với tinh thần chỉ đạo đó, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải đã thực hiện rà soát công bố và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đưa 265 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên 43 lĩnh vực lên Cổng dịch vụ công của tỉnh với dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 có 114 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có 74 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến mức

độ 4 có 77 thủ tục và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (Tổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 là 151/265 thủ tục, đạt 56,98%); đồng thời triển khai áp dụng vào Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và niêm yết công khai trên Trang Thông tin điện tử của huyện và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của huyện.

Đến nay, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện rà soát và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đưa 264 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên 49 lĩnh vực lên Cổng dịch vụ công của tỉnh với dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 có 30 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 có 132 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có 102 thủ tục và tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (Tổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 là 234/264 thủ tục, đạt 88,63%).

3.9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định (Đạt).

- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:

Năm 2021 huyện có 6/7 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu, Tiêu chí tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; năm 2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Do đó xã, phường, thị trấn đánh giá tiếp cận năm 2022 theo qui định mới.

- Kết quả thực hiện tiêu chí:

Đến ngày 15/8/2022 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký Quyết định số 1723/QĐ-BTP ban hành hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh.

Qua rà soát, đánh giá kết quả thực hiện năm 2022, huyện Duyên Hải đã đạt và đáp ứng đủ 4 điều kiện qui định tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp cụ thể như sau:

- Có 6/7 xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Có 01 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp .

- Tổng số điểm của 5 chỉ tiêu đạt 95/100 điểm.
- Tổng số điểm của từng chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên:
 - + Chỉ tiêu 1 đạt 20/20 điểm;
 - + Chỉ tiêu 2 đạt 30/30 điểm;
 - + Chỉ tiêu 3 đạt 15/15 điểm;
 - + Chỉ tiêu 4 đạt 18,5/20 điểm;
 - + Chỉ tiêu 5 đạt 15/15 điểm.

- Trong năm 2022, huyện không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp huyện bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện đã không ngừng phấn đấu, khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo, điều hành linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt và hoàn thành các mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới. Tình hình kinh tế - xã hội của địa phương có chuyển biến tích cực với tăng trưởng bình quân trên 10%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; nông thôn mang diện mạo và sức sống mới.

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được quan tâm tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư xây dựng khá đồng bộ, phát huy được hiệu quả; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, nhất là tình trạng nghèo, việc làm đã được cải thiện đáng kể; sản xuất nông nghiệp phát triển, có nhiều mô hình mới với cách làm sáng tạo, hiệu quả, để phổ biến nhân rộng, nhất là các mô hình có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, mô hình nuôi thủy sản thâm canh mật độ cao, ứng dụng công nghệ cao; hoạt động của loại hình kinh tế hợp tác có chuyển biến tích cực, phát huy tốt vai trò làm động lực để phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững ổn định; năng lực lãnh đạo của tổ chức Đảng, điều hành của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng được tăng cường, củng cố, đổi mới đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Chất lượng tiêu chí ở một số xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao đã đạt được, nhất là tiêu chí tổ chức lại sản xuất còn chậm, việc chuyển đổi cây trồng trên đất lúa trong điều kiện thích ứng với biến đổi khí hậu; các hạng mục, công trình phục vụ tiêu chí huyện nông thôn mới triển khai còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu tiêu

chí quy định; hoạt động của các hợp tác xã còn nhiều yếu kém, khâu liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có ít hợp tác xã thực hiện hiệu quả, để báo cáo nhân rộng, có ít sản phẩm OCOP; đời sống nhân dân tuy có nâng lên đáng kể nhưng chất lượng cuộc sống của một bộ phận dân cư có mặt còn hạn chế; tiêu chí về môi trường và an toàn thực phẩm ở một số xã đạt nhưng chưa thật sự bền vững; an ninh, trật tự an toàn xã hội một số nơi còn tiềm ẩn nguy cơ, phức tạp, tệ nạn sử dụng ma túy có chiều hướng gia tăng ở một số xã; công tác tuyên truyền, vận động nhân dân có lúc chưa được thực hiện đồng bộ; năng lực lãnh đạo, quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cấp cơ sở một số nơi còn hạn chế.

* Nguyên nhân hạn chế: Do tình hình dịch bệnh Covid 19 trên địa bàn huyện còn diễn biến phức tạp; địa bàn rộng, chia cắt mạnh, dân cư sống phân tán; thu nhập của người dân chủ yếu dựa vào nông nghiệp nên chịu tác động thường xuyên của biến đổi khí hậu và thị trường; vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, chậm phân bổ; một số nơi chưa quan tâm đúng mức, triển khai chưa đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch bệnh Covid 19; năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số cơ quan, ngành huyện, địa phương có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

3. Bài học kinh nghiệm

Từ kết quả qua gần 07 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Duyên Hải rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, tập trung – quyết liệt – sâu sát là 03 yếu tố quyết định đến sự thành công trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong điều kiện của một huyện nông nghiệp, khó khăn như huyện Duyên Hải. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị cần phải được phát huy đúng mức, nhất là vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới.

Hai là, phải làm tốt công tác truyền thông, tuyên truyền, vận động, làm cho cán bộ, đảng viên và mọi người dân nhận thức đúng, đầy đủ về mục tiêu, sự cần thiết phải xây dựng nông thôn mới; đặc biệt là phải phát huy vai trò chủ động, tích cực của Nông dân trong xây dựng nông thôn mới, phải làm nổi bật vai trò chủ đạo của nông dân với tâm thế vừa là chủ thể, vừa là người thụ hưởng, có vị trí trung tâm trong phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Ba là, tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch xây nông thôn mới - xem đây là nhiệm vụ then chốt, là tiền đề quan trọng để phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với triển khai thực hiện tốt đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý - xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, nhằm thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, nâng cao thu nhập cho nông dân, tiến tới hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện nông thôn mới tại địa phương.

Bốn là, tranh thủ và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư của Trung ương, địa phương; lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và huy động sự đóng góp của người dân để hoàn thành các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới, nhất là việc

đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Việc huy động và sử dụng các nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch, có sự tham gia, giám sát của người dân.

Năm là, trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, phải bám sát định hướng xây dựng nông thôn mới của tỉnh, của địa phương; trong triển khai triển khai thực hiện phải đảm bảo tính đồng bộ, có lộ trình phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng xã, ấp. Đồng thời, phải thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cũng như kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.

4. Những mô hình xây dựng nông thôn mới tiêu biểu

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng nông thôn mới phải là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, phát huy tối đa vai trò chủ thể của Nhân dân với phương châm “dân biết, dân bàn, dân kiểm tra, dân giám sát và dân thụ hưởng”.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng nông thôn huyện Duyên Hải có kinh tế nông nghiệp phát triển cân đối, toàn diện và đi vào chiều sâu. Phần đầu thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 ước đạt 65 triệu đồng; đời sống vật chất và tinh thần của cư dân được nâng lên; nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; tiềm năng du lịch được phát huy; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Tiếp tục duy trì, nâng chất lượng các tiêu chí của 6/6 xã nông thôn mới đáp ứng yêu cầu tại Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh). Xây dựng thêm 02 đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đến năm 2025, huyện có 4 xã nông thôn mới nâng cao) và thị trấn Long Thành duy trì chất lượng tiêu chí đạt chuẩn đô thị văn minh. Phần đầu có 01 xã đạt tiêu chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Xây dựng huyện Duyên Hải đạt chuẩn huyện nông thôn mới, đáp ứng đầy đủ các nội dung theo quy định tại Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.

3. Nội dung và giải pháp

3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình:

Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung quy chế của Ban Chỉ đạo các cấp, Ban quản lý, Ban Phát triển ấp đảm bảo cơ cấu, thành phần để thực hiện hiệu quả nội dung Chương trình; nâng cao năng lực, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức tham mưu thực hiện Chương trình; đề cao trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong tham gia thực hiện các phần việc, tiêu chí nông thôn mới được giao phụ trách đảm bảo đồng bộ, thông suốt. Định kỳ hàng tháng, quý, ban chỉ đạo huyện, xã tổ chức hội nghị giao ban để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

3.2. Đẩy mạnh và đổi mới các hình thức, nội dung, phương thức công tác vận động, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới:

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội chú trọng phối hợp đẩy mạnh các hoạt động vận động, tuyên truyền về nội dung, kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Trong đó, tập trung sâu theo từng chuyên đề, nêu rõ phần việc, hạng mục công trình thực hiện, đảm bảo mọi người dân trong vùng hưởng lợi được biết, để huy động nhân dân đóng góp công sức cùng chung tay xây dựng nông thôn mới.

Phòng Văn hóa – Thông tin chủ trì phối hợp Trung tâm Văn hóa – Thông tin và thể thao và các ngành liên quan tổ chức các hoạt động tuyên truyền trực quan, tuyên truyền trên sóng truyền thanh, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới.

3.3. Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp gắn với thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững:

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình tổ chức, tổ chức lại sản xuất gắn với nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới bằng những giải pháp kế hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, liên doanh, liên kết hỗ trợ sản xuất với tiêu thụ sản phẩm hàng hóa lớn, thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... để nâng cao giá trị sản xuất và thu nhập cho người dân, nhất là triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) nhằm phát huy nội lực và gia tăng giá trị đối với các sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương.

3.4. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư nâng chất lượng tiêu chí nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu sản xuất và dân sinh:

- *Tiêu chí về Giao thông:* Tập trung hoàn thiện các công trình thuộc tiêu chí huyện nông thôn mới (hiện tại đã đạt nhưng còn đang trong quá trình thi công chưa hoàn thành 100% khối lượng), như: Trung tâm Văn hóa và Thể thao, sân vận động

huyện, chợ huyện, bến xe huyện; trụ sở làm việc Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Tiếp tục triển khai thi công cầu Động Cao (xã Đông Hải), đường dân sinh ven Luồng tàu Kênh Tắt, kè thuộc dự án Luồng tàu giai đoạn 2; tiếp tục kiến nghị xây dựng cầu Kênh 2 (trên Quốc lộ 53B), đường kết nối và bến phà qua Trung tâm hành chính huyện và các dự án giao thông theo kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt.

- *Tiêu chí về Thủy lợi:* Hàng năm, chỉ đạo tổ chức rà soát, xây dựng dự án đầu tư nạo vét, vớt lục bình trong hệ thống công trình thủy lợi; duy tu đê điều, để đảm bảo cho sản xuất, dân sinh và công tác phòng, chống thiên tai gắn với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thủy sản gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục kiến nghị Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục đầu tư xây dựng kè khu vực Cồn Nhàn (xã Đông Hải), đê áp Giồng Bàn (xã Long Vĩnh).

- *Tiêu chí về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:* Chỉ đạo đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Cụ thể tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm sau: (1) Thủy sản: Phát triển nuôi tôm thẻ chân trắng theo hình thức thâm canh mật độ cao theo hướng VietGAP gắn với ứng dụng chuyển đổi số trong các khâu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đối với nuôi tôm sú phát triển nuôi tôm sinh thái gắn với trồng và bảo vệ rừng ngập mặn (2) Trồng trọt: Phổ biến, nhân rộng các mô hình trồng rau – màu trong nhà lưới theo hướng an toàn; thực hiện luân canh lúa – màu, hạn chế dần việc canh tác lúa 3 vụ/năm, giúp nâng cao thu nhập cho nông dân (3) Chăn nuôi: Tập trung vận động phát triển đàn bò, đàn dê theo hướng thịt và thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp (4) Khai thác thủy hải sản: Tập trung củng cố, nâng chất tiêu chí Làng nghề sơ chế thủy sản Xóm Đáy (xã Đông Hải) gắn với phát triển sản phẩm OCOP thuộc làng nghề với du lịch lễ hội Nghinh ông hàng năm.

Quan tâm kêu gọi đầu tư và tạo điều kiện tốt nhất để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị các sản phẩm chủ lực của huyện như tôm sú, tôm thẻ, bò, dê, lúa, ớt, đậu phộng,... gắn với thực hiện có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP); hỗ trợ các tổ chức, cá nhân có liên quan trong chuỗi giá trị phát triển thị trường, truy xuất nguồn gốc, xây dựng nhãn mác, xây dựng các chứng nhận trong nước và quốc tế như VietGap, GlobalGap, ASC, Natuland,... để gia tăng giá trị ngành hàng đáp ứng yêu cầu tiêu dung của thị trường.

- *Tiêu chí về Trường học:* Hàng năm, rà soát, đánh giá thực trạng để xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp mở rộng, đầu tư mới trường học các cấp, nhất là việc nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định; tiếp tục đầu tư xây dựng các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo lộ trình phù hợp; tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường trong Trường học đạt tiêu chí “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

- *Tiêu chí về Nhà ở:* Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 04/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, chính sách an sinh xã hội và

các nguồn hỗ trợ xã hội hóa để đầu tư hỗ trợ xây dựng nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định, nhà ở đạt chuẩn nông thôn mới quy định. Khuyến khích hộ dân có điều kiện xây dựng nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng đạt từ 90% trở lên gắn với xây dựng khuôn viên nhà ở sáng - xanh - sạch và phù hợp bản sắc văn hóa dân tộc.

- *Tiêu chí về Y tế:* Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng tiêu chí quốc gia về y tế; đề xuất tăng cường đội ngũ y, bác sỹ phục vụ tuyến cơ sở, đảm bảo về chế độ tiền lương, tiền công đáp ứng tốt hơn nhu cầu thiết yếu để đội ngũ y, bác sỹ an tâm công tác, phục vụ; cấp phát trang bị, thiết bị phục vụ công tác khám điều trị bệnh cho nhân dân nhất là khu vực 4 xã đảo; phối hợp vận động người dân 3 xã Ngũ Lạc, Đôn Xuân, Đôn Châu tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đạt chỉ tiêu hàng năm và huyện đạt trên 90% người dân có bảo hiểm y tế theo quy định.

- *Tiêu chí về Văn hóa:* Đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển của cộng đồng và quản lý nhà nước tại địa phương; tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; quản lý, sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa đã được đầu tư như Trung tâm Văn hóa và Thể thao, sân vận động, quảng trường huyện; tiếp tục triển khai Đề án phát triển du lịch huyện đã được phê duyệt.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022 và kế hoạch, giải pháp thực hiện các tiêu chí nông thôn mới sau năm 2022 của huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh./.

Nơi nhận:

- TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;
- Văn phòng Điều phối TW;
- Ban Chỉ đạo tỉnh (b/c);
- Văn phòng Điều phối tỉnh (b/c);
- TT. HU, HĐND, UBND Huyện;
- Thành viên BCĐ huyện;
- Lưu: VT (NTM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Kim Chí Hòa